

Số: *AA* /CB2025-FT1

Sông công, ngày *26* tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1)
Mã chứng khoán: FT1
Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, Phường Mỏ Chè, Thành phố Sông công, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
Điện thoại (0208)3862-396
Loại thông tin công bố: Định kỳ
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Đức Giang - Người được uỷ quyền công bố thông tin, Số điện thoại: 0963467111
- Nội dung:
FUTU1 Thông báo mời họp và công bố thông tin Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày *26*/03/2025 tại đường dẫn <http://futu1.com.vn>
Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Thông báo mời họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của FUTU1.

**Đại diện tổ chức
Người được UQCBTT**

Nguyễn Đức Giang



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, P.Mỏ Chè, TP Sông Công, T. Thái Nguyên

Điện thoại: 0208.386.2396 Website: www.futu1.com.vn

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1(FUTU1)

Hội đồng Quản trị FUTU1 kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Đại hội) với thông tin chi tiết như sau:

1. Thời gian: 8h30p, Thứ 3, ngày 22/04/2025 (đón Đại biểu từ 7h30p ÷ 8h30p).
2. Địa điểm: Hội trường FUTU1, đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
3. Nội dung Đại hội: Chi tiết về Chương trình Đại hội sẽ được đính kèm trong Thư mời này.
4. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của FUTU1 tại ngày chốt danh sách tham dự Đại hội ngày 20/03/2025 có quyền tham dự Đại hội.

5. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội: Để tổ chức chương trình Đại hội diễn ra tốt đẹp, đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự Đại hội (hoặc ủy quyền tham dự) theo mẫu Giấy xác nhận/Giấy ủy quyền tham dự được đính kèm thông báo này và đăng tải Website FUTU1 trực tiếp/bằng thư/email về địa chỉ Công ty trước ngày 20/4/2025.

Địa chỉ nhận đăng ký tham dự: Văn phòng Công ty, Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1, đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, email nguyenanhdung@futu1.com.vn.

6. Tài liệu đại hội: Quý Cổ đông vui lòng xem trên Website của FUTU1 tại địa chỉ <http://www.futu1.com.vn> kể từ ngày 26/3/2025.

7. Vấn đề khác:

- Cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người/tổ chức khác tham dự. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

- Cổ đông hoặc Bên nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu hợp lệ, Giấy ủy quyền tham dự họp Đại hội của FUTU1 (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội).

- Mọi chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí khác trong thời gian dự họp Đại hội do người tham dự tự chi trả.

Mọi thắc mắc hoặc đóng góp ý kiến, xin liên hệ với Ban Tổ chức Đại hội tại địa chỉ trên hoặc qua số điện thoại: 0963467111/0913285335/ 0208.3862.396.

Thông báo này thay cho thư mời dự họp Đại hội trong trường hợp Quý cổ đông có quyền dự họp Đại hội nhưng chưa nhận được thư mời vì lý do thất lạc trong quá trình chuyển phát.

Trân trọng kính mời./.

Sông Công, ngày 26 tháng 3, năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỔ ĐÔNG
PHỤ TÙNG MÁY
SỐ 1

Ngô Văn Thái



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, P.Mỏ Chè, TP Sông Công, T. Thái Nguyên
Điện thoại: 0208.386.2396 Website: www.futu1.com.vn

THƯ MỜI THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1(FUTU1)

Hội đồng Quản trị FUTU1 kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Đại hội) với thông tin chi tiết như sau:

1. Thời gian: 8h30p, ngày 22/04/2025 (đón Đại biểu từ 7h30p ÷ 8h30p).
2. Địa điểm: Hội trường FUTU1, đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
3. Nội dung Đại hội: Chi tiết về Chương trình Đại hội sẽ được đính kèm trong Thư mời này.
4. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của FUTU1 tại ngày chốt danh sách tham dự Đại hội ngày 20/03/2025 có quyền tham dự Đại hội.
5. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội: Để tổ chức chương trình Đại hội diễn ra tốt đẹp, đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự Đại hội (hoặc ủy quyền tham dự) theo mẫu Giấy xác nhận/Giấy ủy quyền tham dự được đính kèm thông báo này và đăng tải Website FUTU1 trực tiếp/bằng thư/email về địa chỉ Công ty trước ngày 20/4/2025.

Địa chỉ nhận đăng ký tham dự: Văn phòng Công ty, Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1, đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, email nguyenanhdung@futu1.com.vn.

6. Tài liệu đại hội: Quý Cổ đông vui lòng xem trên Website của FUTU1 tại địa chỉ <http://www.futu1.com.vn> từ ngày 26/3/2025.

7. Vấn đề khác:

- Cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người/tổ chức khác tham dự. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

- Cổ đông hoặc Bên nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu hợp lệ, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội của FUTU1 (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội).

Mọi chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí khác trong thời gian dự họp Đại hội do người tham dự tự chi trả.

- Mọi thắc mắc hoặc đóng góp ý kiến, xin liên hệ với Ban Tổ chức Đại hội tại địa chỉ trên hoặc qua số điện thoại: 0963467111/0913285335/ 0208.3862.396.

Trân trọng kính mời./.

Sông Công, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Văn Thái

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN THAM DỰ
Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (FUTU1)

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên FUTU1

Tên cổ đông (hoặc đại diện tổ chức):

Địa chỉ:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

(Hoặc) Mã số đăng ký doanh nghiệp:.....

Nơi cấp cấp ngày

Điện thoại:..... Fax:..... Email.....

Số cổ phần sở hữu:.....

(Bằng chữ:.....)

Tôi/Chúng tôi đã nhận được Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 FUTU1, nay xác nhận sẽ tham dự Đại hội theo hình thức sau đây:

- Trực tiếp tham dự Đại hội:

- Ủy quyền cho người Đại diện tham dự Đại hội:

(Cổ đông lựa chọn trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội thì đánh dấu (x) vào ô tương ứng sau đó ký và ghi rõ họ, tên dưới dòng "cổ đông/người ủy quyền"; người được ủy quyền ký vào dưới dòng "người được ủy quyền" và ghi rõ họ, tên).

ỦY QUYỀN CHO:

Ông (Bà):

Ngày sinh:.....Điện thoại:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:,Ngày cấp:

Nơi cấp:

Số cổ phần ủy quyền:

(Bằng chữ:.....)

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

....., ngày ... tháng năm 2025
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

- Cổ đông ủy quyền cho người đại diện khác thì phải khai theo các nội dung ở phần « Ủy quyền cho : »
- Trường hợp không có người ủy quyền, cổ đông có thể ủy quyền cho ông Trần Đức Hưng, Giám đốc (số CCCD: 019073001585, cấp ngày 20/04/2021 tại Cục cảnh sát);
- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là Bản chính và có chữ tươi bằng mực không phai (không được dùng mực đỏ) của hai bên, nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và đóng dấu của tổ chức. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 FUTU1 kết thúc; Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác;
- Đề nghị Quý cổ đông gửi Giấy đăng ký tham dự/Giấy ủy quyền theo địa chỉ: Văn phòng FUTU1, đường 3/2, tổ 10, phường Mô Khê, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên trước ngày tháng 04 năm 2025.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, P.Mỏ Chè, TP Sông Công, T. Thái Nguyên

Điện thoại: 0208.386.2396 Website: www.futui.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1 (FUTUI)

Thời gian: 08h30p, Thứ 3, ngày 22 tháng 04 năm 2025.

Địa điểm: Hội trường FUTUI, đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

| Thời gian | Nội dung chi tiết |
|---------------|--|
| 07h30 ÷ 08h30 | Đại biểu đăng ký tham dự Đại hội: <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp, đăng ký tham dự cho các đại biểu- Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu |
| 8h30 ÷ 9h00 | Khai mạc đại hội <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu- Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tịch, mời Đoàn chủ tịch lên làm việc- Thông qua Ban thư ký, Ban kiểm phiếu tại đại hội- Thông qua chương trình và nội dung họp- Thông qua Dự thảo Quy chế làm việc và biểu quyết |
| 9h00 ÷ 10h15 | Trình bày các báo cáo <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 Trình bày các tờ trình: <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán- Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.- Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 của HĐQT và Ban kiểm soát. |

| Thời gian | Nội dung chi tiết |
|-------------|---|
| 10h15÷10h55 | - Đại hội thảo luận |
| | - Phát biểu của Đại diện Lãnh đạo VEAM - Đại diện Hội đồng Quản trị đáp từ. |
| | - Hướng dẫn biểu quyết các Báo cáo và tờ trình - Bỏ phiếu biểu quyết các báo cáo, tờ trình |
| | Đại hội giải lao, Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ |
| 10h55÷11h25 | - Công bố kết quả biểu quyết, các báo cáo, tờ trình |
| | Thông qua Biên bản và Nghị quyết của đại hội Tuyên bố bế mạc Đại hội |

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Văn Thái



BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2024
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2024

I. Đặc điểm, tình hình

1. Tình hình kinh tế xã hội

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng đến hầu hết các quốc gia, khu vực trên phạm vi toàn cầu, nhất là: xung đột ở Ukraine tiếp tục kéo dài và chuyển sang giai đoạn mới khốc liệt hơn khi Ukraine tấn công vào tỉnh Kursk của Nga; xung đột tại Trung Đông tiếp tục leo thang và có nguy cơ đẩy khu vực Trung Đông vào một cuộc chiến tranh toàn diện sau khi Iran và Israel tấn công tên lửa vào lãnh thổ của nhau, căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên leo thang và có nguy cơ bùng phát thành cuộc xung đột toàn diện.

Ở trong nước, chúng ta có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Nền kinh tế Việt Nam đang phát triển, trong quá trình chuyển đổi, có độ mở lớn, quy mô còn khiêm tốn, sức chống chịu, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, năng suất lao động chưa cao nên chịu tác động mạnh từ bên ngoài trên nhiều lĩnh vực, nhất là về xuất khẩu, thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ, tỷ giá, lãi suất; các chuỗi cung ứng bị đứt gãy;

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn. Nhiều giải pháp đã được tích cực triển khai thực hiện như: giám sát bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; bình ổn thị trường vàng, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; miễn và gia hạn visa cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện.

Năm 2024, kinh tế Việt Nam đạt nhiều kết quả tích cực, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước (năm 2023 tăng 1,3%); Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ xuất siêu 24,77 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 28 tỷ USD)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2024 tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,71%. Giá vàng và đô la Mỹ thế giới biến động tăng, dẫn đến giá vàng, đô la Mỹ trong nước cũng tăng. Bình quân giá vàng và giá đô la Mỹ 10 tháng đầu năm 2024 tăng lần lượt là 28,64%; 4,91% so với cùng kỳ năm trước.

2. Tình hình thị trường xe máy trong nước

Theo báo cáo của Hiệp hội các nhà sản xuất xe máy Việt Nam (5 thành viên), tổng cầu xe máy trong 5 năm qua đang có xu hướng suy giảm. Sau hai năm chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, nhu cầu mua xe máy tại Việt Nam phục hồi yếu bởi sự đứt gãy chuỗi cung ứng trong thời gian dài. Năm 2024 là giai đoạn khởi sắc với các hãng xe máy tại Việt Nam, sau giai đoạn suy giảm kéo dài. Số liệu thống kê cho thấy lượng tiêu thụ xe máy năm 2024 tăng 5,46% so với năm 2023.

Mặt khác do chủ trương của chính phủ chuyển đổi phát triển kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn đang khiến nhu cầu xe máy điện tăng nhanh trong thời gian qua, đặc biệt ở các đô thị lớn như Hà Nội và TP.HCM làm suy giảm nhu cầu xe máy dùng động cơ xăng.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính SXKD năm 2024 so với NQ ĐHĐCĐ

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2023 | KH 2024 | TH 2024 | TH 2024/TH 2023 (%) | TH 2024/KH2024 (%) |
|----|--------------------------------|------|---------|---------|---------|---------------------|--------------------|
| 1 | Giá trị sản xuất công nghiệp | Tỷ.Đ | 864,43 | 870 | 889,24 | 102,87 | 102,21 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ.Đ | 908,99 | 910 | 920,57 | 101,27 | 101,16 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ.Đ | 59,55 | 52,00 | 69,43 | 116,59 | 133,52 |
| 4 | Giá trị đầu tư sau thuế | Tỷ.Đ | 47,23 | 69,58 | 27,97 | 59,22 | 40,20 |
| 5 | Thu nhập BQ của người lao động | Tr.Đ | 14,44 | 14,18 | 15,560 | 107,76 | 109,73 |
| 6 | Đã nộp ngân sách nhà nước | % | 100% | 100% | 100% | 100 | 100 |

- Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 889,24 tỷ đồng đạt 102,87% so với năm 2023, đạt 102,21% so với kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Tổng doanh thu đạt 920,57 tỷ đồng đạt 101,27% so với năm 2023, đạt 101,16% so với kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 69,43 tỷ đồng đạt 116,59% so với năm 2023, đạt 133,52% so với kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Giá trị đầu tư trước thuế đạt 27,97 tỷ đồng đạt 59,22% so với năm 2023, đạt 40,20% so với kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Thu nhập người lao động đạt 15,56 triệu đồng/người/tháng đạt 107,76% so với năm 2023, đạt 109,73% so với kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Nộp ngân sách nhà nước đạt 100%.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các mặt hoạt động của công ty năm 2024.

2.1. Công tác thị trường 2024.

Năm 2024 hơn 2,65 triệu chiếc xe máy được bán ra tại Việt Nam, tăng 5,4% so với 2023, trong đó Honda chiếm gần 81% thị phần (tăng 2,7% so với năm 2023)

Năm 2024 tuy thị trường xe máy mặc dù đã có sự phục hồi nhưng chưa đồng nghĩa với việc tăng trưởng ổn định, Công ty đã cố gắng thực hiện nhiều giải pháp tích cực, linh hoạt khai thác phát triển thêm các sản phẩm mới của các khách hàng truyền thống cũng như các khách hàng mới, tăng cường xuất khẩu để tăng thêm doanh thu bù đắp cho sự sụt giảm và chia sẻ thị phần của các khách hàng. Vì vậy doanh thu thuần bán hàng của công ty đạt 101% so kế hoạch năm 2024.

Cùng với phát triển thị trường nội địa công ty đã và đang quan tâm đến thị trường xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu năm 2024 đạt 105,07 tỷ (khoảng 4.2 triệu USD) bằng 114,62% so với năm 2023.

2.2. Công tác đầu tư.

Trong năm 2024 công ty đã đầu tư mua sắm được 05 hạng mục bao gồm gia công cơ khí, máy búa hơi, máy làm khuôn cát, máy đóng nệm khuôn dập, xe nâng,... với giá trị đầu tư sau thuế đã giải ngân là 27,97 tỷ đồng.

Các máy móc thiết bị được đưa vào sản xuất kịp thời bổ sung tăng năng lực một số dây chuyền sản xuất và thay thế một số thiết bị cũ, lạc hậu không đảm bảo chất lượng sản xuất theo hướng tăng năng suất và chất lượng sản phẩm để giảm chi phí sản xuất tăng hiệu quả kinh doanh.

2.3. Công tác tài chính.

Thực hiện đúng theo quy định của Luật kế toán và các quy định có liên quan của Nhà nước.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4. Công tác nhân sự, tiền lương.

Luôn quan tâm chăm lo đời sống tinh thần, vật chất và đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2024 đạt 15,56 triệu đồng /người/tháng.

Đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

Công tác đào tạo, tuyển dụng được duy trì, chất lượng nguồn lao động ngày càng được nâng cao.

Người lao động yên tâm gắn bó với công ty, nguồn lao động được đảm bảo ổn định đáp ứng cho công tác sản xuất.

Tuyển dụng nhân sự tạm thời phục vụ sản xuất....

CÔNG TY
HÀN
G MÃY
1
THAI W

2.5. Công tác khác.

Hệ thống quản lý theo ISO-5S duy trì và cải tiến thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Nhà nước.

Đã hoàn thành việc cấp chứng nhận hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp theo tuân chuẩn ISO 45001:2018

Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 |
|----|--------------------------------|------|----------------|---------------|
| 1 | Giá trị SXCN | Tỷ.Đ | 889,24 | 925 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ.Đ | 920,57 | 960 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ.Đ | 69,43 | 54,40 |
| 4 | Thu nhập BQ của người lao động | Tr.Đ | 15,56 | 15,501 |
| 5 | Nộp ngân sách nhà nước | % | 100% | 100% |

2. Những thuận lợi, khó khăn thách thức trong triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

2.1 Thuận lợi

Dự kiến tình hình kinh tế, chính trị khu vực và trên thế giới sẽ có nhiều chuyển biến tích cực do tác động của kết quả bầu cử tổng thống Mỹ tháng 11/2024, vì vậy kỳ vọng thị trường trong năm 2025 sẽ có sự phục hồi mạnh mẽ.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 ở mức cao hơn dự báo ban đầu sẽ tạo đà thuận lợi cho năm 2025 tăng trưởng ở mức cao.

Dung lượng thị trường xe máy năm 2025 vẫn đạt mức khoảng 2,9 triệu xe, trong đó Honda Việt Nam, khách hàng lớn nhất của FUTUI dự kiến 2.5 triệu xe, vì vậy mặt hàng xe máy trong ngắn hạn vẫn mang đến doanh thu và lợi nhuận để Công ty xây dựng mục tiêu đầu tư, phát triển trong trung và dài hạn.

Theo dự kiến, sản lượng xuất khẩu trong năm 2025 vẫn sẽ tiếp tục tăng trưởng so với năm 2024, đây là một tín hiệu rất tốt thể hiện chủ trương đúng đắn của Công ty trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu.

Một số nhóm sản phẩm mới trọng điểm sẽ vào sản xuất loạt với sản lượng tương đối lớn, như nhóm chi tiết cụm của Piaggio, nhóm chi tiết của Thaco...góp phần vào doanh thu năm 2025.

Các hệ thống quản lý của công ty được vận hành hiệu quả, các dây chuyền sản xuất thường xuyên được đầu tư nâng cấp, cải tạo, sắp xếp phù hợp với từng thời kỳ có khả năng đáp ứng sản lượng sản xuất cho năm 2025.

2.1. Khó khăn

Thị trường xe tay ga có xu hướng ngày càng tăng so với xe số, trong đó đặc biệt Honda là khách hàng lớn nhất của Công ty, đã làm giảm sản lượng hàng xe máy của FUTU1, do FUTU1 cung cấp linh kiện cho xe số nhiều hơn xe tay ga.

Sự phát triển nhanh của xe điện, xe máy điện sẽ làm thu hẹp dần thị trường xe máy sử dụng động cơ đốt trong, trong khi số lượng chi tiết của Công ty tham gia vào thị trường xe điện còn rất hạn chế.

Sự cạnh tranh của các nhà cung cấp trong nước và trên khu vực; yêu cầu hạ giá của khách hàng là sức ép lớn về doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp triển khai năm 2025

Tăng cường công tác bán hàng, bao gồm cả hàng khách lẻ, hàng phụ tùng xe máy, sản phẩm cuộc bàn với mục tiêu tăng doanh thu; chuẩn bị các điều kiện đáp ứng nhanh nhất đơn hàng của khách hàng.

Tăng cường việc tiếp xúc khách hàng, tìm kiếm khách hàng mới, sản phẩm mới phù hợp với năng lực và xu hướng phát triển của Công ty.

Duy trì công tác lập kế hoạch vật tư, kiểm soát tiêu hao vật tư, kiểm soát tồn kho vật tư, tồn kho sản phẩm hợp lý, cải tiến rút ngắn thời gian sản xuất sản phẩm, tránh tồn đọng vốn.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tiến giảm chi phí. Chủ trì và trực tiếp Giám đốc phụ trách tổ chỉ đạo rà soát tiết giảm chi phí.

Đẩy nhanh tiến độ sản xuất sản phẩm mới, sản xuất mẫu nhằm rút ngắn thời gian, tiến độ thực hiện, nhanh chóng đưa sản phẩm mới vào sản xuất, tăng doanh thu.

Tiếp cận, triển khai áp dụng các giải pháp quản trị, quản lý sản xuất, quản lý công việc nhằm nâng cao hiệu quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, tối ưu các quy trình sản xuất từ tạo phôi, gia công cơ khí mục tiêu giảm chi phí, tăng năng xuất, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm.

Mở rộng thị trường xuất khẩu: Năm bắt cơ hội từ việc tăng cường xuất khẩu sản phẩm, đặc biệt là đối tác chính như Piaggio Italia, Sumitomo Philippines INC, Sumitomo Nacco, Công ty Toyota VN, Công ty EKD Italia, Công ty MAP

Đẩy mạnh công tác đầu tư, đặc biệt mua sắm các máy móc thiết bị bổ sung kịp thời năng lực gia công tại các nguyên công quan trọng và nút thắt trong sản xuất.

Triển khai hợp tác sản xuất với nhà cung cấp bên ngoài nhằm tận dụng năng lực thiết bị sản xuất của nhà cung cấp, nắm bắt kịp thời cơ hội sản xuất với khách hàng trong bối cảnh thời gian đầu tư thiết bị không đáp ứng được tiến độ đơn hàng.

Tăng cường tìm hiểu các đơn vị thành viên trong VEAM để hợp tác sản xuất trên nguyên tắc khai thác các thế mạnh, giảm giá thành sản xuất tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

Trên đây là Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VP, TKHĐQT.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

GIAM ĐỐC



Trần Đức Hưng



Sông Công, ngày ... tháng ... năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (FUTU1) được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ FUTU1. HĐQT xin báo cáo Đại hội kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025, cụ thể như sau:

I. CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo điều lệ của FUTU1 được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2024 thông qua, Hội đồng quản trị của FUTU1 gồm 5 thành viên.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 của FUTU1 tổ chức ngày 25/4/2024, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 kết thúc nhiệm kỳ. Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029.

Hiện nay, HĐQT gồm 5 thành viên:

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|----|---------------------|---|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Ngô Văn Thái | Chủ tịch HĐQT không điều hành | 25/04/2024 | |
| 2 | Ông Trần Đức Hưng | Thành viên HĐQT Giám đốc | 25/04/2024 | |
| 3 | Ông Nguyễn Đức Dũng | Thành viên HĐQT Phó Giám đốc | 25/04/2024 | |
| 4 | Ông Vũ Duy Hải | Thành viên HĐQT Phó Giám đốc | 25/04/2024 | |
| 5 | Ông Hồ Ngọc Vinh | Thành viên HĐQT không điều hành | 25/04/2024 | |



II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HĐQT FUTU1 đã thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT theo đúng điều lệ FUTU1 và các quy định hiện hành của pháp luật.

Các thành viên HĐQT nghiêm túc, trách nhiệm tham gia góp ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; phối hợp thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần thực hiện các nội dung trong Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã tổ chức 21 phiên họp định kỳ và đột xuất để xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền, ban hành 51 Nghị quyết và 16 Quyết định nhằm kịp thời chỉ đạo, điều hành hoạt động của FUTU1. Danh mục các Nghị quyết và Quyết định này đã được tổng hợp trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2024, công bố trên chuyên mục Quan hệ cổ đông tại trang thông tin điện tử của FUTU1 (<http://futu1.com.vn>) từ ngày 23/01/2025, đồng thời đăng tải trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT FUTU1 năm 2024 thông qua một số vấn đề chính sau:

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, phê duyệt tài liệu và các nội dung liên quan.

Chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2024, phê duyệt chủ trương đầu tư và các nội dung liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư.

Phê duyệt các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với bên liên quan theo quy định.

Ban hành chính sách về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và kế hoạch quỹ tiền lương.

Tổ chức thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Thông qua một số nội dung khác thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị.

2. Báo cáo giao dịch giữa Công ty với người liên quan

Giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan: Trình tự và thủ tục phê duyệt giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan thực hiện nghiêm túc theo luật doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ và Quy chế nội bộ của FUTU1.

Toàn bộ các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan đã được báo cáo chi tiết trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2024. Báo cáo này được công bố tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của FUTU1 (<http://futu1.com.vn>) từ ngày 23/01/2025, đồng thời đăng tải trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Thù lao của HĐQT

Quyền tiền lương, thù lao năm 2024 của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 phê duyệt;

Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao HĐQT 2024:

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Thành phần | Số lượng | Kế hoạch | Thực hiện |
|----|----------------------------|----------|--------------|--------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT chuyên trách | 1 | 1.619 | 1.905 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 4 | 493 | 524 |
| | Cộng | | 2.112 | 2.429 |

Thu nhập chi tiết của từng thành viên Hội đồng Quản trị được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của FUTU1. Báo cáo này được công bố tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của FUTU1 (<http://futu1.com.vn>) từ ngày 11/03/2025, đồng thời đăng tải trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

4. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

4.1. Phương pháp kiểm tra, giám sát

Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Điều hành thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó các thành viên HĐQT trao đổi, chất vấn về việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

Bên cạnh đó, HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để duy trì việc kiểm tra, giám sát hoạt động của FUTU1 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Kết quả hoạt động của Ban điều hành năm 2024

Ban Điều hành đã chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo đúng các mục tiêu và kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua, trên cơ sở tuân thủ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các Nghị quyết của HĐQT.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | ĐV tính | TH 2023 | KH 2024 | Thực hiện 2024 | | | | |
|---------------------|---------|---------|---------|----------------|----------------|-------|----------------|-------|
| | | | | Giá trị | So với TH 2023 | | So với KH 2024 | |
| | | | | | ± GT | % | ± GT | % |
| Giá trị sản xuất CN | tỷ đồng | 864,40 | 870 | 889,24 | 24,84 | 2,87 | 19,24 | 2,21 |
| Tổng doanh thu | tỷ đồng | 910,15 | 910 | 923,48 | 13,33 | 1,46 | 13,48 | 1,48 |
| Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 59,55 | 52 | 69,43 | 9,88 | 16,59 | 17,43 | 33,52 |

408-C
TY
ĂN
MÁY
I
THÁI NG

4.3. Đánh giá

Hội đồng Quản trị đánh giá cao sự lãnh đạo của Ban Giám đốc trong năm 2024. Dưới sự điều hành linh hoạt của Giám đốc và Ban Điều hành, FUTU1 không chỉ hoàn thành mà còn vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Ban Giám đốc đã tập trung nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa nguồn lực, góp phần quan trọng vào việc duy trì sự tăng trưởng của Công ty. Đồng thời, Ban Điều hành luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty cũng như các quy chế nội bộ, đảm bảo hoạt động kinh doanh minh bạch, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Định hướng chiến lược

Thực hiện đúng và đủ các quyền hạn, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Phát huy hoạt động của HĐQT, tăng cường mối quan hệ giữa HĐQT với Ban kiểm soát và Ban điều hành.

Xây dựng FUTU1 phát triển bền vững, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính;

Đảm bảo hài hoà lợi ích của người lao động với lợi ích các cổ đông và FUTU1;

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát định kỳ, đột xuất để đảm bảo thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, tuân thủ các quy định của Pháp luật cũng như các quy chế nội bộ của FUTU1.

Định hướng Ban điều hành đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu kế hoạch năm 2025 theo định hướng chiến lược Kế hoạch kinh doanh trung hạn (2021-2025).

Nghiên cứu, rà soát để hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các phòng ban trong công ty; sắp xếp và bổ xung hoàn thiện các vị trí nhân sự cấp quản lý quan trọng, đáp ứng được các yêu cầu đòi hỏi của công việc hiện tại và trong tương lai, đặc biệt nhân sự: nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến công nghệ và kỹ thuật, xúc tiến thương mại và phát triển khách hàng mới..

2. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025.

2.1. Các nội dung chỉ đạo và định hướng

HĐQT tiếp tục chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành cùng toàn bộ hệ thống tập trung nỗ lực cao nhất, triển khai thực hiện để hoàn thành tốt các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và bất thường (nếu có) năm 2025. Ban Điều hành cần đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu kế hoạch năm 2025 theo định hướng chiến lược của Kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn (2021-2025).

Về tổ chức cơ cấu và nhân sự, chỉ đạo Ban Điều hành nghiên cứu, rà soát để hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các phòng ban; sắp xếp, bổ sung các vị trí nhân sự cấp quản lý quan trọng (Phó Giám đốc, Trưởng phòng, ban, Quản đốc...); xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ, đáp ứng yêu cầu

công việc hiện tại và tương lai, đặc biệt trong các lĩnh vực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, kỹ thuật, xúc tiến thương mại và phát triển khách hàng mới.

Thị trường: định hướng thị trường, tiếp tục duy trì tốt quan hệ với các đối tác quan trọng hiện có (Honda VN, Yamaha VN, Piaggio VN, Atsumitec, Schaeffler...) và tìm kiếm các cơ hội tăng trưởng doanh thu. Bên cạnh đó, công ty cần nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển thị trường, mở rộng nhóm sản phẩm mới cung cấp cho các đối tác nội địa và xuất khẩu (Schaeffler, EKD, KB...), đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Phát triển sản phẩm mới: cùng các đơn vị trong VEAM nghiên cứu và chế tạo các linh kiện, phụ tùng cơ khí của ngành đường sắt, điện gió...theo chủ trương của Bộ Công Thương và VEAM. Nghiên cứu sản xuất phụ tùng cho xe điện (xe máy và ô tô theo giai đoạn)

Công nghệ và kỹ thuật: nghiên cứu áp dụng tự động hóa, bán tự động vào quá trình sản xuất; tìm kiếm công nghệ sản xuất mới, vật tư mới (đặc biệt là phối đầu vào), từ đó thay đổi công nghệ, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng tính cạnh tranh.

Hoạt động Kaizen: tiếp tục triển khai chương trình Kaizen tại xưởng Tay biên càn gạt, xưởng Đúc và các đơn vị khác. Yêu cầu Ban Điều hành có kế hoạch Kaizen cụ thể cho từng đơn vị, tạo phong trào thi đua Kaizen thường xuyên, liên tục tại mọi vị trí làm việc.

Ban Điều hành cần chủ động rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành, đặc biệt là các chính sách quản lý nhân sự, thưởng Kaizen, đãi ngộ để thu hút và phát triển đội ngũ quản lý, chuyên gia, kỹ sư chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh hiện tại và trong giai đoạn mới.

Ban Điều hành cần tập trung kiểm soát chặt chẽ công tác mua sắm vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất. Đây là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và lợi nhuận của công ty. Kiểm soát số lượng nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho nhằm tối ưu hiệu quả quản trị sản xuất kinh doanh.

Quảng bá hình ảnh công ty, yêu cầu Ban Điều hành chỉ đạo đơn vị phụ trách website công ty thực hiện nghiêm túc công tác quản trị nội dung, cập nhật kịp thời hình ảnh, hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và công ty.

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và ĐHĐCĐ bất thường (nếu có).

2.2. Các công việc giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành

Công tác cải tiến (Kaizen): HĐQT tiếp tục thúc đẩy chương trình hỗ trợ cải tiến từ Toyota theo đúng nội dung kế hoạch đề ra, đồng thời hướng đến mục tiêu đưa công ty vào danh sách các nhà cung cấp chính thức của Toyota trong thời gian sớm nhất.

Xúc tiến thương mại: trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và sự biến động của tình hình thế giới, HĐQT sẽ hỗ trợ Ban Điều hành trong việc tăng cường quan hệ

với lãnh đạo cấp cao BCT, HVN, VAP, TMV... nhằm giữ đơn hàng và thúc đẩy SXKD của công ty. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển khách hàng mới, đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu (hiện nay xuất khẩu của công ty còn thấp). Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, HĐQT sẽ tiếp tục hỗ trợ thông qua các hoạt động kết nối với các tổ chức xúc tiến thương mại (Cục Xúc tiến – BCT, Jetro, Tham tán thương mại tại các nước trọng điểm châu Á, châu Âu...).

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, HĐQT đề xuất các chỉ tiêu chủ yếu như sau trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 925 tỷ đồng
- Tổng Doanh thu: 960 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 54,40 tỷ đồng
- Thu nhập BQ của người lao động: 15,501 triệu đồng/người/tháng

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT FUTU1 năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025. Với tất cả trách nhiệm của mình, cùng với sự triển khai quyết liệt của Ban điều hành; sự đồng lòng nhất trí, ý chí quyết tâm của toàn thể người lao động, sự ủng hộ của quý vị cổ đông, HĐQT sẽ quyết tâm chỉ đạo để hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình và các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đề ra, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cổ đông và người lao động.

Trân trọng kính trình./.

- Nơi nhận:*
- Như trên;
 - Cổ đông;
 - Ban KS;
 - Lưu: VP, TKHĐQT.

TH

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Văn Thái



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Phường Mộ chè – Thành phố Sông Công – Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: (0208) 3862316

Fax: (0208) 3862396

Giấy CNĐKKD số: 4600358468 do Sở KH & ĐT T. Thái Nguyên cấp

DỰ THẢO

Sông công, ngày 17 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

*Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1;
Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1;
Căn cứ Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024;*

Căn cứ Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của BKS trong năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tổ chức và hoạt động

Năm 2024, Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm kỳ với 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên làm việc chuyên trách và 02 thành viên làm việc không chuyên trách.

Ngày 25/4/2024, tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029, thay thế Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 kết thúc nhiệm kỳ.

Trong năm, BKS thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung sau:

- BKS đã tổ chức 07 buổi họp trực tiếp, các thành viên tham gia đầy đủ. Ngoài họp trực tiếp, trực tuyến, thành viên BKS thực hiện trao đổi qua điện thoại, email... Nội dung các buổi họp, trao đổi đánh giá tính hợp lý, trung thực, cần trọng trong công tác tổ chức quản lý, hoạt động điều hành với sự tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Phối hợp với HĐQT và Ban điều hành tổ chức triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024. Giám sát công tác triển khai, thực hiện các nội dung tại Nghị quyết của Đại hội trong năm;

- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của các Đoàn thanh, kiểm tra có thẩm quyền.

- Cùng tham gia hoạt động kiểm tra của Công ty để đánh giá hiệu quả các quy định, quy trình. Phối hợp cùng HĐQT, Ban điều hành rà soát, sửa đổi và xây dựng và ban hành các Quy chế, quy định.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 và kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024, các giao dịch liên quan và nghĩa vụ công bố thông tin.

- Tham gia các phiên họp của HĐQT, họp sản xuất của Công ty. Trên nguyên tắc làm việc tập thể, Ban kiểm soát đã thống nhất đưa ra các ý kiến, đề xuất cùng trao đổi với HĐQT, Ban điều hành cũng như với hoạt động của BKS. Các ý kiến được trao đổi với HĐQT, Ban Điều hành để cùng đánh giá và thực hiện.

2. Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2024

Quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của BKS được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt.

Kết quả thực hiện tiền lương, thù lao năm 2024 của BKS cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chức danh | Số lượng | Kế hoạch | Thực hiện |
|------------------|-------------------------|----------|------------|------------|
| 1 | Trưởng ban chuyên trách | 01 | 280 | 330 |
| 2 | Thành viên | 02 | 90 | 106 |
| Tổng cộng | | | 370 | 436 |

Chi tiết thu nhập của từng thành viên Ban kiểm soát thực hiện trong năm 2024 được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của FUTU1. Báo cáo này đã được công bố tại trang web của Công ty ngày 11/03/2025.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị Quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của ĐHĐCĐ thường niên, hoạt động sản xuất – kinh doanh của FUTU1 năm 2024 đạt kết quả như sau:

| Chi tiêu | Năm 2024 | | | Thực hiện 2023 | TH ₂₀₂₄ /TH ₂₀₂₃ | Thực hiện 2022 |
|--|----------------|----------|--------|-----------------|--|----------------|
| | Thực hiện | Kế hoạch | TH/KH | | | |
| Giá trị sản xuất (tỷ đồng) | 889,2 | 870 | 102,2% | 864,4 | 102,9% | 980,7 |
| Tổng doanh thu (tỷ đồng) | 923,5 | 910 | 101,5% | 910,1 | 101,4% | 1.063,6 |
| Tổng chi phí (tỷ đồng) | 835,6 | 845 | 98,9% | 835 | 100,1% | 968,4 |
| Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | 69,4 | 52 | 133,5% | 59,5 | 116,6% | 76,03 |
| Lãi cơ bản/cổ phiếu (đồng/1CP) | 9.806,6 | | | 8.410,64 | | 6.827,6 |
| Tiền lương bình quân NLD (tr.đ/ng/tháng) | 15,56 | | | 14,44 | | 17,08 |

Năm 2024, các chỉ tiêu: Giá trị sản xuất, tổng doanh thu, và lợi nhuận sau thuế đều thực hiện vượt kế hoạch, tăng so với thực hiện năm 2023.

Hai chỉ tiêu: Giá trị sản xuất, tổng doanh thu tăng so với kế hoạch, trong khi tổng chi phí thực hiện là 98,9% kế hoạch, kết quả chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng 33,5% so với kế

hoạch (tương đương tăng 17,4 tỷ đồng), đạt 69,4 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 9.806,6 đồng/01CP, tăng 16,6% so với mức lãi trên cổ phiếu năm 2023.

Tiền lương bình quân của người lao động đạt 15,56 triệu đồng/người/tháng, tăng so với năm 2023.

Đánh giá chung kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty đạt hiệu quả tốt.

Trong năm, Công ty thực hiện trách nhiệm nghĩa vụ công bố thông tin đối với các thông tin phải công bố (như: các giao dịch với người có liên quan, BCTC, quyết định của các cơ quan có thẩm quyền, trả cổ tức...)

2. Thẩm định Báo cáo tài chính

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)

2.1. Công tác lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2024 của FUTU1 đã được lập và phát hành theo quy định, được Ban Giám đốc FUTU1 xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo đã được kiểm toán bởi Công ty VAE và đưa ra ý kiến: chấp thuận BCTC, không có ý kiến loại trừ.

2.2. Nội dung thẩm định

- Thống nhất số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 của FUTU1 đã được kiểm toán và phát hành bởi Công ty VAE tại Báo cáo Kiểm toán độc lập số: 0302.02-25/BC-TC/VAE ngày 03/3/2025.

- Thống nhất ý kiến của Công ty Kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2024 của FUTU1 như sau: Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Giá trị một số chỉ tiêu tài chính trên Báo cáo tài chính được kiểm toán như sau:

* Bảng cân đối kế toán

| Chỉ tiêu | 01/01/2024 (tr.đồng) | 31/12/2024 (tr.đồng) |
|-----------------------|-------------------------|-------------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 256.069 | 281.517 |
| B. Tài sản dài hạn | 64.214 | 61.788 |
| TỔNG TÀI SẢN | 320.283 | 343.305 |
| C. Nợ phải trả | 182.859 | 195.997 |
| D. Vốn chủ sở hữu | 137.424 | 147.308 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế | 59.546 | 69.429 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 320.283 | 343.305 |

2.2. Một số chỉ tiêu đánh giá:

- Tình hình quản lý vốn:

AB003
CÔNG
CỔ P
HỤ TỬ
S
CÔNG.

| Chi tiêu | Năm 2024 | Năm 2023 | Năm 2022 |
|-------------------------------------|----------|----------|----------|
| $V_{CSH2024}/V_{CSH2023}$ | 1,07 | | |
| $V_{CSH}/V_{\Delta L}$ | 2,08 | 1,94 | 2,17 |
| $V_{CSH}/\Sigma NV$ | 42,9% | 42,9% | 38,7% |
| $\Sigma NV_{2024}/\Sigma NV_{2023}$ | 1,07 | | |
| Lợi nhuận sau thuế 2024/2023 | 116,6% | | |
| Tỉ suất ROA | 20,93% | 16,59% | 21,96% |
| Tỉ suất ROE | 48,77% | 40,88% | 51,7% |

Các chỉ tiêu đánh giá cho thấy công tác quản lý, sử dụng vốn năm 2024 hiệu quả hơn so với năm 2023. So với năm 2022, tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu năm 2024 tăng trong cơ cấu tổng nguồn vốn. Đánh giá nguồn vốn góp của chủ sở hữu năm 2024 được Công ty sử dụng có hiệu quả, phát triển.

- **Công tác quản lý tài sản:**

- Tài sản cố định, hàng tồn kho, công nợ phải thu, phải trả được quản lý, sử dụng theo đúng quy định Luật kế toán. Công ty thực hiện xây dựng các quy chế, quy trình... thực hiện thống nhất trong công tác quản lý.

- Công ty thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng tài chính đối với khoản phải thu ngắn hạn và dự phòng phải trả. Các khoản dự phòng có hồ sơ căn cứ liên quan.

- **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**

- Khả năng thanh toán tổng quát: Là 1,75
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Là 1,4
- Khả năng thanh toán nhanh: Là 0,68
- Hệ số (nợ phải trả/vốn chủ sở hữu): 1,33

Chỉ số khả năng thanh toán cho thấy khả năng thanh toán của công ty ở mức an toàn và đáp ứng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Cùng với hệ số NPT/V_{CSH} là 1,33, chỉ tiêu về khả năng thanh toán và kết quả kinh doanh năm 2024 như trên, cho thấy tình hình tài chính của FUTU1 ở mức an toàn.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện hoạt động giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

3.1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Thực hiện phối hợp với Ban kiểm soát, Ban điều hành tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 theo đúng quy định và hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội giao.

- Thực hiện trách nhiệm chỉ đạo và giám sát Ban điều hành thông qua ban hành các Nghị quyết, Quyết định và theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện.

+ Sản xuất - kinh doanh: Đánh giá và phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất - kinh

doanh. Đồng hành cùng Ban Điều hành trong công tác tìm kiếm thị trường, quản lý hiệu quả chi phí sản xuất.

+ Đầu tư: Thực hiện đánh giá và phê duyệt kế hoạch đầu tư.

+ Chỉ đạo Ban điều hành hoàn thiện những Quy chế đang thực hiện xây dựng trong năm 2023, sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế tại FUTU1. Thực hiện các kiến nghị của các Đoàn kiểm tra.

- Định kỳ, HĐQT tổ chức các phiên họp đánh giá tiến độ thực hiện hoạt động điều hành của Công ty, thực hiện chỉ đạo và đồng hành trong quá trình triển khai hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội Cổ đông thường niên 2024 giao.

- Thực hiện phê duyệt, giám sát trong các giao dịch với người có liên quan và các chỉ đạo, quản lý khác trong quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT kịp thời và phù hợp với hoạt động của Công ty;

BKS nhận thấy HĐQT đã sát sao thực hiện trách nhiệm quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT.

3.2. Ban Giám đốc

Năm 2024, Công ty FUTU1 thực hiện sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế trong nước và Thế giới nhiều khó khăn; trong nước nhu cầu sử dụng xe máy giảm Các yếu tố trên tác động trực tiếp đến hoạt động quả sản xuất kinh doanh của Công ty và thu nhập của người lao động... Trong thực trạng đó, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động cụ thể:

* Hoạt động sản xuất:

- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư thay thế các máy móc, thiết bị lạc hậu về công nghệ, hoạt động kém hiệu quả bằng các máy móc, thiết bị mới, hiện đại.

- Chỉ đạo phòng/ban chuyên môn thực hiện: Tiếp tục cải tiến công đoạn sản xuất sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh và sức hút với khách hàng.

- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, chế thử dòng sản phẩm mới. Trong năm, Công ty đã thực hiện đưa vào sản xuất 50 mã sản phẩm mới, đạt 54,3% mã sản phẩm chế thử thành công đưa vào sản xuất, tạo doanh thu trên 40 tỷ đồng.

* Hoạt động kinh doanh:

- Nỗ lực và đẩy mạnh công tác thị trường: phát triển thêm khách hàng mới trong nước và nước ngoài; tập chung vào các dự án trọng điểm (sản phẩm của Công ty EKD, xuất khẩu sang Brasil); phát triển thêm dòng sản phẩm đối với khách hàng truyền thống.

* Tài chính:

- Công tác kiểm soát chi phí: Đẩy mạnh công tác kiểm soát có hiệu quả đối với các chi phí trong mọi hoạt động toàn Công ty, khuyến khích hoạt động sáng kiến, Kaizen, Iso, 5S.

- Công tác tài chính: Tận dụng tối đa nguồn tài chính nội lực của Công ty và nguồn vốn vay với chi phí thấp nhất tại các tổ chức tín dụng, đảm bảo các hoạt động của Công ty với mức chi phí tài chính thấp nhất.

* Hoạt động quan trọng khác: Công tác nhân sự và các hoạt động khác được thực hiện

3460
3 TY
HÀN
G MÃ
1
THÁI

JP

thống nhất, đồng bộ đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty được xuyên suốt, đúng quy định, đảm bảo công việc, thu nhập cho người lao động, thực hiện đóng góp đầy đủ với Nhà nước, địa phương...;

- Thực hiện chi trả cổ tức cho Cổ đông đúng quy định;
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ và theo đúng quy định đối với các nội dung, hoạt động phải công bố.
- Thực hiện điều hành, quản lý khác trong quyền hạn và trách nhiệm của Ban Điều hành kịp thời và phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty;

3.3. Đối với Cổ đông

Năm 2024, Ban kiểm soát nhận thấy quyền lợi và trách nhiệm của Cổ đông đã được thực hiện. Cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS, quyền và trách nhiệm đánh giá, góp ý các báo cáo, kế hoạch, trương trình,... của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và nhận cổ tức.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của Cổ đông.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- HĐQT, Ban điều hành và BKS đã nghiêm túc triển khai và hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 giao.

Công tác quản trị: thông qua nội dung các buổi họp mở rộng của HĐQT các ý kiến được trao đổi và đánh giá giữa các thành viên được thống nhất trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ và thực tế tại Công ty nhằm đem lại kết quả tốt nhất cho Công ty và Cổ đông. Đại diện HĐQT, BKS tham gia các buổi họp sản xuất quý của Công ty nhằm đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong hoạt động, BKS luôn nhận được sự hỗ trợ của HĐQT và Ban điều hành trong việc cung cấp tài liệu, thông tin... và tạo điều kiện cho thành viên BKS tham gia giám sát trực tiếp một số hoạt động tại Công ty, giúp BKS hoàn thành nhiệm vụ.

III. Kế hoạch hoạt động năm 2025

- Tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành hoàn thành các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông 2025 giao;

+ Thẩm định báo cáo tài chính và giám sát các nội dung liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin đối với các thông tin phải công bố.

- Cùng tham gia hoạt động kiểm tra một số hoạt động của Công ty để đánh giá hiệu quả các quy định, quy trình và tuân thủ Pháp luật.

IV. Kiến nghị

Năm 2025 là một năm sẽ có nhiều biến động về kinh tế, chính trị trên toàn thế giới cùng với xu hướng phát triển bền vững và tiêu dùng xanh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kinh

tế trong nước, trong đó có FUTU1. Ảnh hưởng đó đặt ra rất nhiều khó khăn đối với lĩnh vực hoạt động sản xuất – kinh doanh của FUTU1. Để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, BKS đề xuất một số ý kiến với HĐQT, Ban Điều hành:

- Tận dụng tối đa dư địa đối với những sản phẩm chủ lực của FUTU1.
- Phát triển dòng sản phẩm mới theo xu hướng của thị trường, thị hiếu tiêu dùng; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- Thực hiện hoạt động kiểm soát có hiệu quả các khoản chi phí, tối đa hóa lợi nhuận sản xuất – kinh doanh.
- Đảm bảo tiến độ thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại để cải tiến chất lượng sản phẩm, giảm chi phí. Phục vụ nghiên cứu, chế tạo sản phẩm mới.
- Triển khai công nghệ số trong công tác quản lý, điều hành, hoạt động.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội.

Xin trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, Giám đốc CT;
- Người PTQT, TK Công ty
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đồng Thị Thanh Ngân



Số: /TTr-HDQT

Sông Công, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).

Hội đồng quản trị FUTU1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc;
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024.
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024.
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024.
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2024.

Một số chỉ tiêu chính của Báo cáo như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Ngày 31/12/2024 |
|------------------------|----------------|-----------------|
| I. TỔNG TÀI SẢN | <i>Tr.đồng</i> | 343.305 |
| 1. Tài sản ngắn hạn | <i>Tr.đồng</i> | 281.517 |
| 2. Tài sản dài hạn | <i>Tr.đồng</i> | 61.788 |
| II. Nợ phải trả | <i>Tr.đồng</i> | 195.997 |
| 1. Nợ ngắn hạn | <i>Tr.đồng</i> | 195.997 |
| 2. Nợ dài hạn | <i>Tr.đồng</i> | 0 |

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Ngày 31/12/2024 |
|-------------------------------|----------------|-----------------|
| III. Vốn chủ sở hữu | <i>Tr.đồng</i> | 147.308 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | <i>Tr.đồng</i> | 70.799 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa PP | <i>Tr.đồng</i> | 69.430 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | <i>Tr.đồng</i> | 7.079 |
| KẾT QUẢ KINH DOANH | | |
| 1. Tổng doanh thu | <i>Tr.đồng</i> | 923.478 |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | <i>Tr.đồng</i> | 87.867 |
| 3. Thuế TNDN | <i>Tr.đồng</i> | 18.437 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế TNDN | <i>Tr.đồng</i> | 69.430 |

Toàn bộ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông;
- Ban KS;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH ✓



Ngô Văn Thái

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

Hội đồng quản trị FUTU1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 như sau:

I. Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2024

1. Trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận:

DVT: đồng

| TT | Chỉ tiêu | Tỷ lệ % | Số tiền |
|-----|--|---------|----------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế để lại từ các năm trước | | 0 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế năm 2024 | | 69.429.658.405 |
| 3 | Tổng lợi nhuận sau thuế đến hết 31/12 2024 | | 69.429.658.405 |
| 4 | Phân phối lợi nhuận | | |
| 4.1 | <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | | |
| 4.2 | <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> | | 41.413.201.192 |
| 4.3 | <i>Quỹ thưởng Người quản lý, điều hành</i> | | 1.113.015.813 |
| 4.4 | <i>Lợi nhuận chia cổ tức</i> | | 26.903.441.400 |

2. Chia cổ tức 2024:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt, cụ thể:

- Mức chi trả cổ tức: **3.800 đồng/cổ phiếu;**
- Tổng số tiền chi trả cổ tức: **26.903.441.400 đồng**

3. Triển khai thực hiện

Sau khi phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức được Đại hội thông qua, Đại hội giao HĐQT căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 tổ chức triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức cho các cổ đông vào thời điểm thích hợp trong năm 2025, đảm bảo đúng quy định tại Điều lệ FUTU1 và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

II. Dự kiến mức cổ tức chi trả năm 2025

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của FUTU1, Hội đồng quản trị dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 là trên 20%.

Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông;
- Ban KS;
- Lưu: VP, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Thái



Sông Công, ngày 17 tháng 3 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của FUTU1

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Phụ tùng máy số như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán

- Là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025;

- Là tổ chức kiểm toán có uy tín, chất lượng, có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán.

2. Đề xuất các công ty kiểm toán

1. Công ty TNHH kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

2. Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC (AASC)

3. Công ty TNHH kiểm toán An Việt (An Việt CPA)

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách công ty kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1, ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đề xuất trên theo quy định của pháp luật và giao Giám đốc công ty thực hiện ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập với Công ty kiểm toán được lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ 2025;
- Hội đồng quản trị; Giám đốc CT;
- Người PTQT, TKCT; ✓
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đồng Thị Thanh Ngân

Số: /TT-HĐQT

Sông Công, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024
và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025
của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2021;

Căn Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024;

Để đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong việc triển khai nhiệm vụ được giao; Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của FUTU1 năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị FUTU1 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chức danh | Số lượng | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ % so sánh |
|----|-------------------|-----------|--------------|--------------|-----------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 = 3/2 |
| I | Hội đồng quản trị | 05 | 2.112 | 2.429 | 115% |
| II | Ban kiểm soát | 03 | 370 | 423 | 114% |
| | Tổng | 08 | 2.482 | 2.852 | 115% |

Kết quả Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bằng 115% cao hơn so với kế hoạch, thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Khi lợi nhuận thực hiện tăng so với kế hoạch thì tiền lương và thù lao tăng theo, mức tăng không quá 20%.

2. Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chức danh | Số lượng | Kế hoạch |
|----|-------------------|----------|--------------|
| I | Hội đồng quản trị | 05 | 1.949 |
| II | Ban Kiểm soát | 03 | 342 |
| | Tổng cộng | 8 | 2.291 |

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty sẽ xem xét đề trích lập Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 tăng hoặc giảm tương ứng với phần lợi nhuận thực hiện nhưng mức tăng không quá 20%, mức giảm không quá 40% kế hoạch;

Mức tiền lương, thù lao cụ thể từng chức danh thực hiện theo Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý và Ban kiểm soát hiện hành của Công ty. Các quyền lợi khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế Công ty;

Trân trọng kính trình./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu: NSTL, TKHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Sông công, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của FUTU1 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021;

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của FUTU1 (gọi tắt là Đại hội) diễn ra theo đúng quy định, Ban tổ chức Đại hội đã xây dựng Quy chế làm việc và biểu quyết trong Đại hội như sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp;
- Các Nghị quyết của Đại hội thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) tham dự Đại hội đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại quy chế này, Điều lệ của FUTU1 và quy định hiện hành của pháp luật.

- **Phạm vi:** Quy chế này được sử dụng cho Đại hội diễn ra ngày 22/4/2025.

Điều 3. Thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 từ giờ phút, ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Điều 4. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

- Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp huỷ Đại hội phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Đại hội triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

- Trường hợp Đại hội họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì Đại hội họp lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.



Điều 5. Giải thích từ ngữ/từ viết tắt:

- HĐQT: Hội đồng quản trị.
- BKS: Ban kiểm soát.
- FUTU1: Tên viết tắt của Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1.
- Đại hội: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của FUTU1.
- Cổ đông: Người có cổ phần sở hữu hoặc đại diện.
- BTC: Ban tổ chức.

Chương II NỘI DUNG QUY CHẾ

Điều 6. Đại biểu tham dự Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Các Cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu cổ phần của FUTU1 có tên trong danh sách cổ đông của FUTU1 tại thời điểm chốt danh sách ngày **20/3/2025** đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp Cổ đông là tổ chức có hơn một người đại diện được ủy quyền tham dự thì phải xác định rõ số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Quyền và nghĩa vụ của đại biểu khi tham dự Đại hội

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các Giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp (nếu có);
- Căn cước công dân/CMND;
- Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định.

c) Trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ theo yêu cầu của BTC Đại hội.

d) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội phải xuất trình đăng ký tham dự họp Đại hội và nhận tài liệu Đại hội gồm: 01 Thẻ biểu quyết (để biểu quyết các vấn đề chung của Đại hội), 01 Phiếu biểu quyết (để biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội).

đ) Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

e) Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn. Phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung Chương trình Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp.

f) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

g) Đại biểu đến dự Đại hội sau khi đã nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua Đại hội sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

h) Trong thời gian tiến hành Đại hội, các đại biểu phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không mất trật tự, Điện thoại tắt hoặc để chế độ rung.

i) Những đại biểu đến sau khi cuộc họp khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết những nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Đoàn Chủ tịch

1. Thành viên đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tọa (là Chủ tịch HĐQT) và các thành viên khác do Đại hội bầu để giúp việc cho Chủ tọa.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội thông qua;

b) Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội;

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông dự Đại hội

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do HĐQT thành lập và giới thiệu đến Đại hội thực hiện nhiệm vụ;

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

+ Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự Đại hội;

+ Xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

+ Phát tài liệu Đại hội và Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết;

+ Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành;

+ Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội được tổ chức tiến hành.

Điều 9. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Đại hội

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;



- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Cổ đông khi được yêu cầu;

- Hỗ trợ Người đại diện công bố thông tin công bố thông tin liên quan đến Đại hội và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ FUTU1;

- Hỗ trợ đoàn Chủ tịch thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do đoàn Chủ tịch giới thiệu (không quá 03 người) và được thông qua tại Đại hội để ghi nhận kết quả kiểm tra khi Đại hội thông qua các vấn đề của đại hội theo hình thức biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng cử viên tham gia ứng cử, đề cử (trong trường hợp thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban kiểm phiếu.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Hướng dẫn việc biểu quyết cho cổ đông và người được ủy quyền tham gia Đại hội.

- Chuẩn bị Hòm phiếu, hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu;

- Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội;

- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho đoàn Chủ tịch và Ban thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết (nếu có);

- Thực hiện các việc khác của Ban kiểm phiếu tại Đại hội.

Điều 11. Biểu quyết thông qua Đại hội

1. Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình và nội dung của Đại hội đều phải được Đại hội thảo luận và thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết.

2. Hình thức biểu quyết

a) Biểu quyết bằng Thẻ Biểu quyết

Thẻ biểu quyết được phát cho Đại biểu tham dự Đại hội. Trên Thẻ biểu quyết có ghi mã cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được FUTU1 in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội. Phương thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết để thông qua các vấn đề chung của Đại hội, trừ các Báo cáo, Tờ trình theo Phiếu biểu quyết tại Đại hội

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết

Phiếu biểu quyết được phát cho Đại biểu tham dự Đại hội. Trên phiếu biểu quyết và có ghi mã cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết được FUTU1 in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội. Phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết để thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội

3. Thẻ thức biểu quyết

a) Phương thức giơ Thẻ biểu quyết

Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các Đại biểu biểu quyết giơ Thẻ biểu quyết lên

cao hướng về phía đoàn Chủ tịch. Biểu quyết được tiến hành bằng cách đoàn Chủ tịch hỏi ý kiến theo trình tự “Tán thành”; “Không tán thành” “Không có ý kiến”;

Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó;

Trường hợp đại biểu Thẻ biểu quyết hơn một lần với một nội dung thì ý kiến cuối cùng của đại biểu sẽ được ghi nhận với nội dung biểu quyết đó. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến;

Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay tại Đại hội.

b) Phương thức nộp Phiếu biểu quyết

Đại biểu biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong ba phương án “Tán thành”; “Không tán thành” “Không có ý kiến” được in trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự “Tán thành”; “Không tán thành” “Không có ý kiến”. sau khi biểu quyết hết các nội dung trong Phiếu biểu quyết, đại biểu ký tên và bỏ Phiếu vào hòm phiếu theo thứ tự yêu cầu của Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết để thống kê kết quả;

Trường hợp đại biểu thay đổi ý kiến biểu quyết thì đại biểu ký nháy vào cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện tương ứng với một đơn vị biểu quyết.

4. Việc bầu thành viên HĐQT/BKS thực hiện theo quy chế bầu thành viên HĐQT/BKS do FUTUI ban hành và được Đại hội thông qua.

5. Thông báo kết quả biểu quyết

Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả các nội dung quy định, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và Trưởng ban kiểm phiếu sẽ thông báo trước Đại hội về kết quả kiểm Phiếu biểu quyết và chuyển kết quả biểu quyết cho Ban thư ký ghi vào Biên bản Đại hội.

6. Điều kiện thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội

- Tỷ lệ biểu quyết từng nội dung được so với tổng số phiếu có quyền biểu quyết; tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội được tính là 100%.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua Nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Nghị quyết về Báo cáo kết quả SXKD, Báo cáo hoạt động của HĐQT, Báo cáo của Ban kiểm soát, Tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán, Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức, Tờ trình thù lao HĐQT, Ban KS, Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông được quyền biểu quyết dự họp tán thành;

- Nghị quyết về miễn nhiệm, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có) được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương

ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 12. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội

1. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội phải được lưu giữ tại Công ty theo quy định.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Quy chế này gồm 03 Chương, 13 Điều do FUTU1 ban hành đã tuân thủ các quy định của pháp luật và là cơ sở để tiến hành Đại hội, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của FUTU1 và có hiệu lực ngay khi thông qua tại Đại hội này.

- Các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này;

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ FUTU1 và các văn bản pháp luật hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VP, TKHQQT.



Ngô Văn Thái

Số:

Sông Công, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2025 của FUTU1 ngày tháng năm 2025;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của FUTU1.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Điều 4. Thông qua Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 FUTU1.

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 FUTU1.

Điều 6. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của HĐQT, Ban kiểm soát.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm triển khai thi hành Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm kết thúc Đại hội.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Ngô Văn Thái

Số: /BB-DHĐCD

Sông Công, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

I. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (FUTU1).
- Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 10, P.Mỏ Chè, TP.Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
- Mã số doanh nghiệp: 4600358468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 01/11/2022.

II. Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội

- Thời gian: Từ.....giờ....., ngày tháng..... năm
- Địa điểm: Hội trường FUTU1, đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

III. Thành phần tham dự

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Các cổ đông và người đại diện uỷ quyền của cổ đông FUTU1 (theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm..... ngày tháng năm 2025)
- Các Đại biểu khách mời tham dự Đại hội.

IV. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Ngô Văn Thái, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT): Chủ toạ
- Ông Trần Đức Hưng, thành viên HĐQT: Giám đốc Công ty

2. Ban thư ký:

- Ông/bà Trưởng ban
- Ông/bà..... Thành viên

3. Ban kiểm phiếu:

- Ông/bà Trưởng ban
- Ông/bà..... Thành viên
- Ông/bà..... Thành viên

V. Điều kiện tiến hành Đại hội

Ông, Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, tại thời điểm khai mạc vào hồigiờngàytháng năm 2025, cơ cấu cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông của FUTU1 theo danh sách cổ đông chốt ngày/...../ là:cổ đông (trong đó: cócổ đông pháp nhân và cổ đông cá nhân). Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của FUTU1.....cổ phần.
 - Tổng số cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp:, đại diện chocổ phần bằng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của FUTU1;
 - Tất cả các đại diện cổ đông đều đủ tiêu chuẩn tham dự Đại hội.
- (có Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo)

Theo quy định của pháp luật, Đại hội đủ điều kiện tiến hành.

VI. Nội dung Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 FUTU1 nhất trí biểu quyết thông qua.
2. Nội dung chương trình của Đại hội đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
3. Quy chế tổ chức Đại hội đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
4. Đại hội đã nghe ông/bà trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
5. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT.
6. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
7. Đại hội đã nghe ông/bà, Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 FUTU1.
8. Đại hội đã nghe ông/bà, Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 FUTU1.
9. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
8. Đại hội đã nghe ông/bà, trình bày Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của HĐQT, Ban kiểm soát.

12. Thảo luận tại Đại hội

- 12.1. Đại hội đã nghe ý kiến phát biểu của Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

12.2. Chủ tọa mời các cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:

13. Đại hội đã biểu quyết thông qua bằng hình thức phiếu biểu quyết với kết quả tán thành đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội như sau:

| TT | Nội dung được thông qua | Tỷ lệ tán thành |
|----|---|-----------------|
| 1 | Nội dung 01: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025 | |
| 2 | Nội dung 02: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT | |
| 3 | Nội dung 03: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 | |
| 4 | Nội dung 04: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán | |
| 5 | Nội dung 05: Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 | |
| 6 | Nội dung 06: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. | |
| 7 | Nội dung 07: Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 của HĐQT và Ban kiểm soát. | |

(có Biên bản kiểm phiếu biểu quyết kèm theo)

15. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Thư ký Đại hội đã đọc toàn văn Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự; Đại hội tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Biên bản gồm 05 (năm) trang, được lập thành ba (03) bản, lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 một (01) bản, lưu Văn thư một (01) bản, lưu Ban Thư ký Đại hội một (01) bản.

Biên bản và Nghị quyết của Đại hội sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của FUTU1 (www.futu1.com.vn) để thông báo đến toàn thể cổ đông.

Đại hội kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày./.

T/M BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN

T/M ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

.....

.....

DỰ THẢO

**BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1).

Hôm nay, vào hồi ..giờ, ... phút, ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường công ty, Đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Ban kiểm tra tư cách đại biểu gồm:

- | | |
|--|------------|
| 1. Ông Lê Anh Tuấn, phó phòng Kế hoạch | Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó phòng VPCT | Thành viên |
| 3. Ông Lê Văn Tình, Nhân viên PTNSTL | Thành viên |

Theo quy định của Pháp luật, Ban kiểm tra tư cách đại biểu đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu tới dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và báo cáo trước Đại hội kết quả đại biểu tham dự như sau:

1. Đại biểu tham dự hợp lệ:

Số lượng Đại biểu tham gia: ...

Số lượng Đại biểu ủy quyền: ...

Đại diện cho: cổ phần

Chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết

2. Số lượng cổ đông vắng mặt:

Số lượng cổ đông:

Đại diện cho: cổ phần

Chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ FUTU1, Đại hội đồng cổ đông thường niên FUTU1 năm 2025 với thành phần tham dự và tỷ lệ như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu được lập hồi ... giờ ... phút ngày 22 tháng 4 năm 2025 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu: NSTL, TKHQĐT.

**TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
TRƯỞNG BAN**

Lê Anh Tuấn

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1



DỰ THẢO

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU

FT1.....

Họ và tên Đại biểu: NGUYỄN VĂN A

Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ... cổ phần

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

DỰ THẢO

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: FT1.....

Họ và tên Đại biểu: NGUYỄN VĂN A

Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô mình lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

| NỘI DUNG | Tán thành | Không tán thành | Không ý kiến |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Nội dung 01: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 02: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 03: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 04: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 05: Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 06: Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của HĐQT và Ban Kiểm soát | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 07: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Hướng dẫn

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn MỘT trong các phương án đánh dấu “X” hoặc (V”) vào cột: Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày tháng năm 2025

ĐẠI BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Số:...../BB-HĐQT

Sông Công, ngày.....tháng năm 2025

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Hôm nay, vào hồi.....giờ, ... phút, ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường công ty, Đường 3/2, tổ 10, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Ban kiểm tra phiếu biểu quyết gồm các ông/bà có tên sau:

1. Ông/bà Trưởng ban
2. Ông/bà Thành viên
3. Ông/bà Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Phụ tùng Máy số 1, kết quả như sau:

Số lượng Đại biểu tham gia:...

Số lượng Đại biểu ủy quyền:... Đại diện cho: cổ phần

Chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết

Tổng số phiếu thu:.....Đại diện cho.....cổ phần

Chiếm.....% số CPBQ dự họp

Tổng số cổ đông không bỏ phiếu:...Đại diện cho: cổ phần

Chiếm.....% số CPBQ dự họp

1. Nội dung 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ qui định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:.....

2. Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ qui định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

3. Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.



- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ qui định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

4. Nội dung 4: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ qui định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

5. Nội dung 5: Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ qui định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

6. Nội dung 6: Tờ trình về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 của HĐQT và Ban Kiểm Soát

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ qui định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

7. Nội dung 7: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2025

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.
- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ qui định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

8. Nội dung 8:

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết:CP, trong đó.

- Số phiếu tán thành:.....CP, chiếm tỉ lệ% (tỉ lệ qui định trên 50%)
- Số phiếu không tán thành: CP
- Số phiếu không có ý kiến: CP.
- Số phiếu không hợp lệ: CP

Kết luận:

Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được lập xong lúc giờ phút cùng ngày và đã thông qua trước Đại hội Đại hội nhất trí 100%, không có ý kiến khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu: TCLĐ, TKHĐQT.

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**

Lê Huy Hoàng

CHỮ KÝ THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

1. Ông/bà.....
2. Ông/bà.....



**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32./BC-FT1

Sông công, ngày 19 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 (FUTU1)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600358468 được cấp lần đầu ngày 31/12/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp và thay đổi lần thứ 5 ngày 01/11/2022.

- Vốn điều lệ: 70.798.530.000VND

(Bảy mươi tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Địa chỉ: Đường 3/2, Tổ 10, P. Mỏ Chè, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

- Số điện thoại: (+84) 208 386 2396 - Website: www.futu1.com.vn

- Mã cổ phiếu: FT1

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Ngày 25/03/1968, FUTU1 được thành lập tại Chương Mỹ - Hà Tây, tiền thân là Nhà máy Phụ tùng ô tô số 1.

+ Ngày 19/08/1991, Nhà máy Phụ tùng ô tô số 1 chuyển thành Nhà máy Phụ tùng Máy động lực và Máy nông nghiệp số 1 theo Quyết định số 381/QĐ-CNNG-TC của Bộ Công nghiệp nặng.

+ Ngày 25/03/1995, Nhà máy Phụ tùng Máy động lực và Máy nông nghiệp số 1 chuyển thành Công ty Phụ tùng máy số 1 theo Quyết định số 245 QĐ/ TCCBĐT của Bộ Công nghiệp nặng.

+ Ngày 26/04/2004, Công ty Phụ tùng máy số 1 chuyển thành Công ty TNHH một thành viên Phụ tùng máy số 1 theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BCN Bộ Công nghiệp.

+ Ngày 28/07/2008, Công ty TNHH một thành viên phụ tùng máy số 1 được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành FUTU1. Ngày 31/12/2008, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

+ Ngày 31/05/2017, UBCKNN đã chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng cho FUTU1. Ngày 18/09/2017, Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán FT1.

2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng máy động lực và máy nông nghiệp;
 Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí, công cụ lao động phục vụ các ngành nông, lâm, ngư nghiệp và giao thông vận tải;

Sản xuất, lắp ráp, mua bán, hàng điện tử, điện máy; Sản xuất phụ tùng;

Sản xuất phụ tùng, lắp ráp, sửa chữa ô tô, xe máy.

- Địa bàn kinh doanh

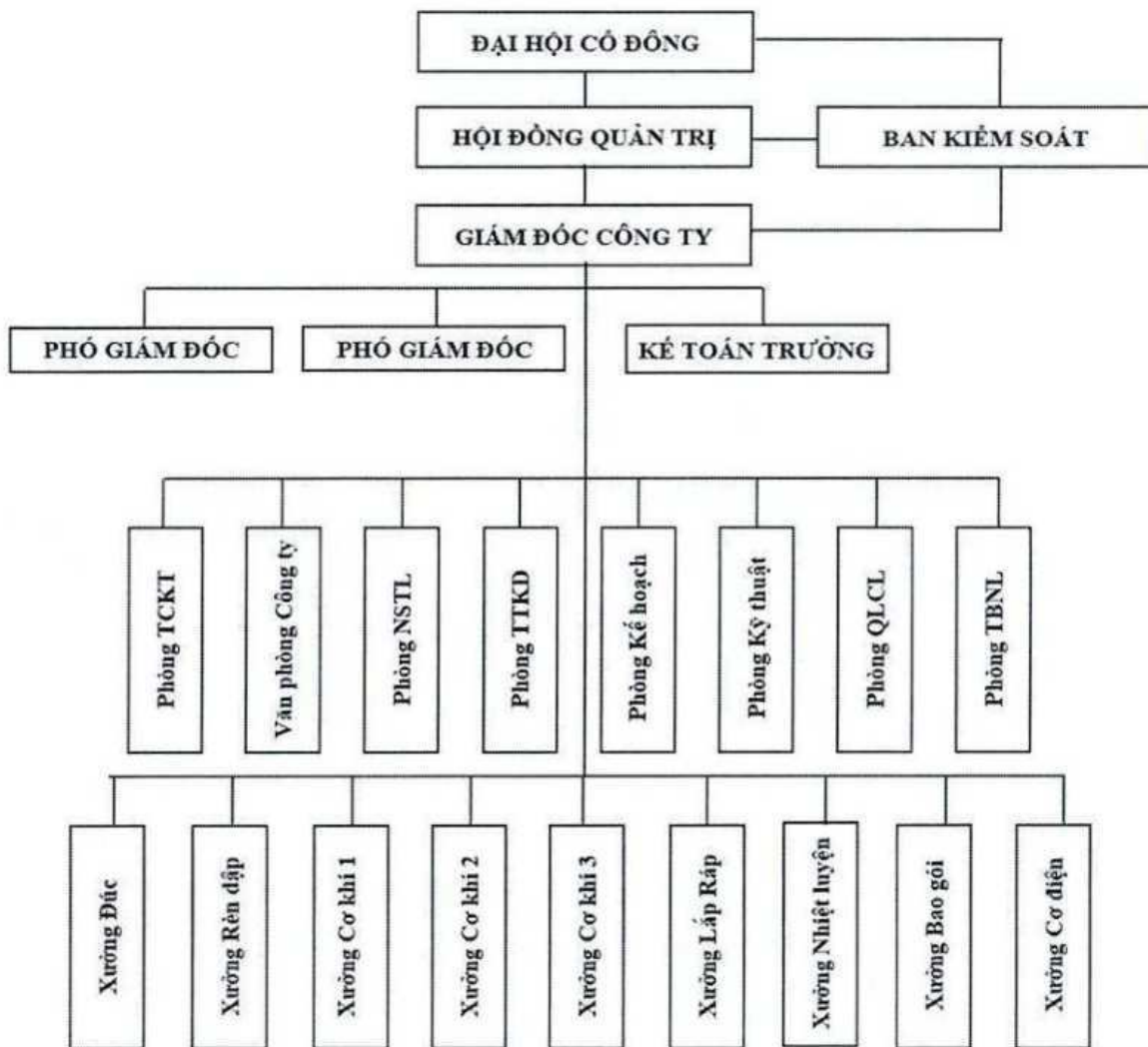
FUTU1 sản xuất và cung cấp phụ tùng, linh kiện ô tô, xe máy và các sản phẩm cơ khí khác cho các công ty liên doanh, doanh nghiệp nội địa và xuất khẩu. Năm 2024 tại lãnh thổ Việt Nam doanh thu chiếm 90%, xuất khẩu chiếm 10%.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển

Định hướng thị trường và sản phẩm:

FUTU1 đang đối mặt với áp lực cạnh tranh mạnh mẽ từ các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Đặc biệt trong những năm gần đây thị trường xe máy trong nước có dấu hiệu bão hòa và suy giảm (thị trường chuyển đổi sang dùng xe máy điện nhiều hơn), ảnh hưởng của tình hình thế giới (chiến tranh, bất ổn ở nhiều quốc gia) dẫn đến sự ảnh hưởng của lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của các tập đoàn trên thế giới, khu vực và ở Việt Nam do đó đòi hỏi công ty phải có chiến lược phát triển linh hoạt và bền vững.

- Duy trì và mở rộng thị phần còn dư địa trong lĩnh vực linh kiện, phụ tùng xe máy: bằng cách nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh. Giúp công ty duy trì và tăng doanh thu sản phẩm truyền thống, cạnh tranh trực tiếp với các nhà cung cấp trong nước và quốc tế (HVN, Musashi, VAP, Piaggio...).

- Phát triển các sản phẩm cơ khí ngoài truyền thống và có lợi thế cạnh tranh: Đẩy mạnh hợp tác và phát triển với các doanh nghiệp trong và ngoài nước (Shaeffler, EKD, KB...) để tăng doanh thu và sản lượng đối với các sản phẩm cơ khí khác (ngoài sản phẩm truyền thống), tiến tới cân bằng với cơ cấu sản phẩm truyền thống (cơ khí chế tạo, máy móc thiết bị công nghiệp đặc biệt là trục và bánh răng – những là những linh kiện yêu cầu độ chính xác cao và hiệu quả, thế mạnh của FUTU1).

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: Chủ động nghiên cứu và triển khai các sản phẩm mới có tính định hướng, chiến lược: phụ tùng và linh kiện xe máy điện, ô tô... của các tập đoàn hiện đang hợp tác với FUTU1 và VEAM: Honda, Toyota, Ford. Ngoài ra tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia chuỗi nhà cung ứng các phụ kiện cho lĩnh vực đường sắt, điện gió...

- Mở rộng thị trường xuất khẩu: Tranh thủ các cơ hội trên thị trường thế giới và khu vực (Mỹ tăng thuế nhập khẩu các nước như : China...) và tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (EVFTA, CPTPP, v.v.) nhằm gia tăng thị phần tại các thị trường tiềm năng như châu Á, châu Âu, Mỹ và Nam Mỹ. Việc này không chỉ giúp giảm sự phụ thuộc vào thị trường nội địa mà còn nâng cao vị thế FUTU1 trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu FUTU1: nâng cao nhận diện trên thị trường trong nước và quốc tế, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

Định hướng nhân sự

- Trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh chóng, trong khi độ tuổi bình quân của lao động FUTU1 trên 40, công ty cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn nhằm đảm bảo tính bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao: Tập trung đào tạo chuyên môn, nâng cao kỹ năng và khả năng thích ứng với công nghệ mới, giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất và nâng cao hiệu quả vận hành.

Thu hút nhân sự trẻ, có trình độ cao: Tạo sự cân bằng trong cơ cấu lao động, đảm bảo tính kế thừa và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

- Chế độ phúc lợi toàn diện: Không ngừng cải thiện chế độ đãi ngộ, đảm bảo thu nhập ổn định và nâng cao phúc lợi cho người lao động thông qua chính sách lương, thưởng, bảo hiểm và hỗ trợ đời sống.

- Môi trường làm việc an toàn, thân thiện: Tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn lao động, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo sức khỏe cho toàn thể nhân viên.

Định hướng công nghệ và kỹ thuật

Công nghệ là yếu tố then chốt giúp FUTU1 nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển (R&D), tập trung vào các sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật cao, từng bước tham gia sâu vào chuỗi cung ứng ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Đầu tư vào máy móc, thiết bị công nghệ cao, đặc biệt là các công nghệ sản xuất tiên tiến, nhằm nâng cao độ chính xác, giảm hao phí và tăng năng suất. Việc đầu tư được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực và điều kiện thực tế, hướng đến việc tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe. Đồng thời, xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững, tạo ra những sản phẩm có độ chính xác và chất lượng vượt trội mà ít doanh nghiệp có thể đạt được, khẳng định vị thế FUTU1 trên thị trường.

- Tăng cường tự động hóa trong sản xuất, ứng dụng công nghệ số và các hệ thống quản lý hiện đại để tối ưu hóa quy trình, giảm chi phí và nâng cao hiệu suất.

- Cải tiến quy trình sản xuất, nâng cấp trang thiết bị nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng.

- Ứng dụng công nghệ xanh, giảm thiểu tác động đến môi trường và hướng đến phát triển bền vững, phù hợp với xu thế chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn và các chính sách của Nhà nước.

Với chiến lược trên, FUTU1 không chỉ duy trì vị thế hiện tại mà còn từng bước mở rộng sang các lĩnh vực mới, nâng cao giá trị sản phẩm và tạo ra cơ hội phát triển bền vững trong dài hạn.

5. Các rủi ro

Cạnh tranh kinh tế giữa các nền kinh tế lớn ngày càng gay gắt, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại và đầu tư. Các doanh nghiệp Việt Nam chịu áp lực lớn từ các nhà sản xuất nước ngoài, đặc biệt là Trung Quốc, trong lĩnh vực linh kiện, phụ tùng xe máy. Trong khi đó, thị trường trong nước đang suy giảm do nhu cầu bão hòa và sự phát triển mạnh mẽ của xe điện, tạo ra những thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong ngành.

Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA, mang lại lợi thế về thuế quan, giúp hàng hóa xuất khẩu của FUTU1 vào EU có tính cạnh tranh cao hơn. Công ty cũng đang mở rộng tìm kiếm cơ hội tại các thị trường Mỹ và Nam Mỹ nhằm giảm thiểu rủi ro từ sự phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống. Tuy nhiên, chi phí sản xuất cao tiếp tục ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá so với các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là các công ty Trung Quốc, trong khi năng lực máy móc, thiết bị và nguồn nhân lực vẫn còn hạn chế trong việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cao.

Trước những thách thức này, FUTUI đang tích cực tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tận dụng các lợi thế từ hội nhập để mở rộng thị trường xuất khẩu. Đồng thời, công ty đầu tư có trọng điểm vào thiết bị, công nghệ và tập trung phát triển các sản phẩm có thể mạnh nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng với xu hướng thị trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024

| | |
|---------------------------------|----------------|
| + Giá trị sản xuất công nghiệp: | 889,24 tỷ đồng |
| + Tổng doanh thu: | 923,48 tỷ đồng |
| + Lợi nhuận sau thuế: | 69,43 tỷ đồng |

- Kết quả thực hiện so với kế hoạch 2024 và các chỉ tiêu năm 2023

| Chỉ tiêu | ĐV tính | TH 2023 | KH 2024 | Thực hiện 2024 | | | | |
|---------------------|---------|---------|---------|----------------|----------------|-------|----------------|-------|
| | | | | Giá trị | So với TH 2023 | | So với KH 2024 | |
| | | | | | ± GT | % | ± GT | % |
| Giá trị sản xuất CN | tỷ đồng | 864,40 | 870 | 889,24 | 24,84 | 2,87 | 19,24 | 2,21 |
| Tổng doanh thu | tỷ đồng | 910,15 | 910 | 923,48 | 13,33 | 1,46 | 13,48 | 1,48 |
| Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 59,55 | 52 | 69,43 | 9,88 | 16,59 | 17,43 | 33,52 |

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2024 đạt 889,24 tỷ đồng, bằng 102,21% kế hoạch 2024 và 102,87% so với thực hiện năm 2023.

Giá trị tổng doanh thu năm 2024 đạt 923,48 tỷ đồng, bằng 101,48% kế hoạch 2024 và 101,46% so với thực hiện năm 2023.

Giá trị lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 69,43 tỷ đồng, bằng 133,52% kế hoạch 2024 và 116,59% so với thực hiện năm 2023.

- Nguyên nhân:

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những thách thức trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng, nhưng cũng có những cơ hội để phát triển. Thuận lợi lớn nhất đến từ việc tham gia các hiệp định thương mại tự do, giúp doanh nghiệp tận dụng lợi thế thuế quan để nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu tạo điều kiện mở rộng thị trường và gia tăng hợp tác với các đối tác quốc tế.

Trước những thách thức từ sự suy giảm nhu cầu trong một số lĩnh vực truyền thống và áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp đã chủ động đẩy mạnh phát triển nhóm sản phẩm xuất khẩu và các sản phẩm mới không phụ thuộc vào thị trường nội địa. Nhờ chiến lược đúng đắn này, tăng trưởng xuất khẩu đạt mức khả quan, góp phần bù đắp sự sụt giảm của các sản phẩm truyền thống.

Bên cạnh việc mở rộng thị trường, công tác quản lý chi phí cũng được chú trọng. Kế hoạch chi phí được triển khai chặt chẽ, giúp kiểm soát tốt chi phí theo từng giai đoạn, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận. Đồng thời, các biện pháp tiết giảm chi phí, đặc biệt là tối ưu hóa tồn kho, đã mang lại hiệu quả tích cực. Ngoài ra, việc tiếp tục mở rộng áp dụng các giải pháp thay thế nguyên vật liệu hợp lý cũng góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

Nhờ những nỗ lực trong điều hành và quản lý, cùng với diễn biến thuận lợi của giá nguyên vật liệu, doanh nghiệp đã hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch năm, khẳng định sự chủ động và linh hoạt trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

+ Ông Trần Đức Hưng – Giám đốc

Sinh năm: 1973.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,08%

Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 01/1998-04/2002 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Kỹ sư P. Kỹ thuật |
| 04/2002-03/2004 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Phó phòng P. Kỹ thuật |
| 04/2004-12/2008 | Công ty TNHH MTV phụ tùng Máy số 1 | Phó phòng P. Kỹ thuật |
| 01/2009-01/2012 | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Phó phòng P. Kỹ thuật |
| 02/2012-04/2019 | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Trưởng phòng P. Kỹ thuật |
| 05/2019-10/2019 | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Quản đốc phân xưởng lắp ráp |
| 11/2019-05/2020 | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Thành viên HĐQT |
| 06/2020- 10/2022 | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Thành viên HĐQT – Phó giám đốc |
| 11/2022- 05/2023 | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Thành viên HĐQT – Q.Giám đốc |
| 06/2023 đến nay | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Thành viên HĐQT – Giám đốc |

+ Ông Nguyễn Đức Dũng – Phó Giám đốc

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-----------------|--|----------------------------------|
| 11/2001-09/2003 | Công ty Cơ khí Trần Hưng Đạo, Hà nội | Kỹ sư |
| 09/2003-03/2008 | Phòng Thị trường Kinh doanh của VEAM | Chuyên viên |
| 03/2008-06/2008 | Phòng Xuất Nhập khẩu Nhà máy ô tô Veam | Trưởng Phòng |
| 06/2008-06/2009 | Phòng Vật tư Nhà máy ô tô Veam | Trưởng Phòng |
| 06/2009-12/2010 | Phòng Kinh doanh Nhà máy ô tô VEAM | Trưởng Phòng |
| 12/2010-05/2011 | Phòng Cơ điện Nhà máy ô tô VEAM | Trưởng Phòng |
| 05/2011-06/2012 | Nhà máy ô tô VEAM | Phó Giám đốc |
| 06/2012-08/2019 | Công ty CP Cơ khí cổ loa | Giám đốc |
| 09/2019-10/2021 | Chi nhánh Nhà Máy ô tô VEAM | Giám đốc |
| 11/2021-10/2022 | VP HĐQT VEAM | Phó chánh văn phòng |
| 12/2022 đến nay | Công ty CP Phụ tùng máy số 1 | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc |

+ Ông Vũ Duy Hải – Phó giám đốc (từ tháng 06/2023)

Sinh năm: 1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí Chế tạo máy

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,05%.

Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-----------------|---------------------------|---------------------------------|
| 08/1992-03/1993 | Nhà máy y cụ II | Công nhân nguội sửa chữa |
| 04/1993-08/1998 | Nhà máy y cụ II | Công nhân nguội mài |
| 04/2003-09/2004 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Nhân viên kỹ thuật |
| 10/2004-01/2012 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Kỹ sư cơ khí |
| 02/2012-01/2014 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Phó Quản đốc Phân xưởng Dụng cụ |
| 02/2014-10/2015 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Phó Phòng Kế hoạch |

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-------------------|---------------------------|-------------------------------|
| 11/2015-12/2022 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Trưởng Phòng Kế hoạch |
| 12/2022 - 06/2023 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Trưởng Phòng Kỹ thuật |
| 06/2023 - 04/2024 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Phó Giám đốc |
| 04/2024 đến nay | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc |

+ Bà Lê Thị Minh Thu – Kế toán trưởng

Sinh năm: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,09%.

Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|-----------------|---|--|
| 10/1993-02/1995 | Nhà máy phụ tùng Máy động lực và Máy nông nghiệp số 1 | Kế toán |
| 03/1995-06/2003 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Kế toán |
| 07/2003-03/2004 | Công ty Phụ tùng Máy số 1 | Thủ quỹ |
| 04/2004-05/2006 | Công ty TNHH MTV Phụ tùng Máy số 1 | Thủ quỹ |
| 06/2006-12/2008 | Công ty TNHH MTV Phụ tùng Máy số 1 | P. Trưởng phòng P. Tài vụ |
| 01/2009-04/2016 | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Phó Trưởng phòng P. Tài vụ, TV Ban kiểm soát |
| 05/2016-05/2016 | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Trưởng Ban kiểm soát |
| 06/2016-12/2016 | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Trưởng phòng P. Tài vụ |
| 01/2017 đến nay | Công ty CP Phụ tùng Máy số 1 | Kế Toán trưởng |

- Những thay đổi trong ban điều hành

- Số lượng cán bộ nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách lao động với người lao động:

Tổng số cán bộ công nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2024 là 1.097 người.

Tăng mức đóng BHXH đối với người quản lý, người lao động từ 01/07/2024 trong thang lương, bảng lương đóng BHXH.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2024, FUTUI tiếp tục tập trung vào việc bổ sung và thay thế máy móc, thiết bị đã hết khấu hao, hiệu quả thấp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Công ty đã đầu tư mua sắm máy gia công cơ khí, thiết bị kiểm tra, hệ thống khí nén và xe nâng để thay thế các thiết bị cũ, hỏng, lạc hậu. Việc này không chỉ giúp duy trì hoạt động sản xuất ổn định mà còn từng bước đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Các thiết bị mới được đưa vào vận hành đúng thời điểm, hỗ trợ tích cực cho việc hoàn thành và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Hoạt động đầu tư được triển khai theo lộ trình hợp lý, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực, tối ưu hóa vận hành và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo. Tổng giá trị mua sắm hình thành tài sản cố định là 27,976 tỷ đồng.

b) Công ty con, Công ty liên kết

Giá trị đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Cơ khí Vinh là 958.800.000đ.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % tăng /giảm(-) |
|--------------------------------------|----------|----------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 320,28 | 343,31 | 7,19 |
| Doanh thu thuần bán hàng hoá dịch vụ | 908,72 | 920,49 | 1,30 |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính | 1,37 | 2,69 | 96,35 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 75,07 | 88,18 | 17,46 |
| Lợi nhuận khác | -0,02 | -0,32 | 1.600,00 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 75,05 | 87,87 | 17,08 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 59,55 | 69,43 | 16,59 |

Dựa trên bảng số liệu trên, ta có thể thấy được sự thay đổi giữa năm 2023 và năm 2024 của các chỉ tiêu tài chính của Công ty như sau:

+ Tổng giá trị tài sản năm 2024 đạt 343,31 tỷ đồng tăng 7,19% so với năm 2023.

+ Doanh thu thuần bán hàng hoá dịch vụ 2024 đạt 920,49 tỷ đồng tăng 1,3% so với năm 2023.

+ Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2024 đạt 2,69 tỷ đồng tăng 96,35% so với năm 2023.

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2024 đạt 88,18 tỷ đồng tăng 17,46% so với năm 2023.

+ Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2024 đạt 87,87 tỷ đồng tăng 17,08% so với năm 2023.

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 đạt 69,43 tỷ đồng tăng 16,59% so với năm 2023.

Vì vậy, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty đã tăng trưởng so với năm 2023.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> | 1,40 | 1,44 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i> | 0,62 | 0,68 | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,57 | 0,57 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 1,33 | 1,33 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân</i> | 4,37 | 5,20 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | 2,54 | 2,78 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,07 | 0,08 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,41 | 0,49 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,17 | 0,21 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,082 | 0,095 | |

Trong năm 2024, tình hình tài chính của FUTU1 tiếp tục ổn định với một số cải thiện so với năm 2023.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,40 lên 1,44, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,62 lên 0,68, phản ánh khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn được cải thiện.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giữ nguyên ở mức 0,57 và 1,33, cho thấy cơ cấu vốn không thay đổi đáng kể so với năm trước.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho cải thiện từ 4,37 lên 5,20, cho thấy hiệu quả quản lý hàng tồn kho được nâng cao, góp phần tối ưu hóa vốn lưu động. Tỷ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân tăng từ 2,54 lên 2,78, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh có xu hướng cải thiện.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu lợi nhuận của FUTU1 tiếp tục tăng trưởng. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 0,07 lên 0,08, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng từ 0,41 lên 0,49, và hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng từ 0,17 lên 0,21. Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần tăng từ 0,082 lên 0,095, phản ánh hiệu quả kinh doanh tiếp tục được cải thiện.

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính cho thấy FUTU1 tiếp tục duy trì sự ổn định và cải thiện hiệu quả hoạt động trong năm 2024.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Vốn điều lệ: 70.798.530.000 đồng.
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 7.079.853 cổ phiếu.
- Loại cổ phần: phổ thông.
- Chuyển nhượng tự do: 7.079.853 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông FUTU1 (ngày đăng ký cuối cùng 19/08/2024)

Tổng số cổ đông: 978 cổ đông.

- + Cổ đông cá nhân: 973 cổ đông.
- + Cổ đông tổ chức: 5 cổ đông.
- + Cổ đông nước ngoài: 08 cổ đông.
- + Cổ đông lớn: 01 cổ đông.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của FUTU1 năm 2024

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng khí phát thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

- Tổng lượng phát thải quy đổi ra CO₂ của Công ty là 15.012 tấn, trong đó chủ yếu là phát thải gián tiếp thông qua sử dụng năng lượng điện (14.626 tấn).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Công ty đã triển khai nhiều biện pháp để giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Các biện pháp này bao gồm cải tiến công nghệ sản xuất nhằm tiết kiệm điện năng và dầu diesel, cải thiện quy trình xử lý và sử dụng hóa chất để giảm lượng phát thải từ quá trình sản xuất. Ngoài ra, công ty đã áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế để giảm lượng chất thải và tiêu thụ nguyên liệu. Các biện pháp tiết kiệm năng lượng như cung cấp điện hiệu quả và sắp xếp hợp lý trong vận chuyển cũng đã được thực hiện.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Trong năm 2024, tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm của FUTUI ước tính khoảng 9.600 tấn. Nguồn vật liệu đầu vào chủ yếu bao gồm gang và thép, được cung cấp bởi các đối tác lâu năm của công ty. Toàn bộ nguyên vật liệu đầu vào đều được kiểm soát chặt chẽ thông qua quy trình kiểm tra chất lượng trước khi nhập kho, đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính:

Tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu tái chế trong sản xuất, đạt mức 15-17%, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và phát triển bền vững.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ điện năng năm 2024 là 22.224.321 kWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Năm 2024 nhờ áp dụng các cải tiến, bảo dưỡng thường xuyên thiết bị, duy trì hoạt động kiểm tra, khắc phục các điện rò rỉ khí nén và sử dụng khí hiệu quả và tăng cường công tác quản lý, nâng cao ý thức công nhân viên toàn công ty trong sử dụng điện tiết kiệm hiệu quả. Lượng điện tiết kiệm năm 2024: 420.547kWh tương đương tiết kiệm được: 883 triệu đồng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: sử dụng ánh sáng tự nhiên, kiểm soát rò rỉ khí nén, sử dụng tải phù hợp công suất thiết bị điện, bảo dưỡng các thiết bị điện theo kế hoạch...

6.4. Tiêu thụ nước

6.4.1. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước: Từ nguồn nước mặt Sông Công do Chi nhánh xí nghiệp nước sạch Sông công - Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên cấp.

Lượng nước sử dụng năm 2024 là 35.134 m³.

6.42. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Lượng nước tái chế và tái sử dụng năm 2024: 2.022 m³, tỷ lệ so với lượng nước tiêu thụ năm 2024 là ~ 5.75%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

6.5.1. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5.2. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

6.6.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lao động bình quân của FUTUI năm 2024 là 1.097 người.

Thu nhập bình quân người lao động đạt: 15,56 triệu đồng/người/tháng

6.6.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

FUTUI luôn chú trọng đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động. Hàng năm, công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và các đợt kiểm tra sức khỏe theo quy định, nhằm theo dõi và nâng cao thể trạng cho cán bộ, công nhân viên. Ngày 29/05/2024, FUTUI đã được cấp chứng chỉ ISO 45001:2018, khẳng định sự tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

Công tác an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy (PCCC) được triển khai nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật. Công ty thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ, đo kiểm các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và điều kiện làm việc, từ đó đưa ra các biện pháp cải thiện phù hợp.

Toàn bộ cán bộ, công nhân viên được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp với đặc thù công việc, góp phần tạo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và hiệu quả.

Bên cạnh việc đảm bảo an toàn lao động, FUTUI cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua các chương trình tham quan, nghỉ mát hàng năm.

6.6.3. Hoạt động đào tạo người lao động.

FUTUI luôn chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người lao động thông qua việc xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm. Công ty tổ chức đào tạo cho nhân viên mới tuyển dụng, đồng thời triển khai các chương trình đào tạo định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, hệ thống quản lý chất lượng và chuyên môn nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, FUTU1 cũng cử nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng quản lý. Trong năm, tổng số lượt người tham gia đào tạo đạt 1.687 lượt, với tổng thời lượng đào tạo khoảng 12.854 giờ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

FUTU1 luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng nhằm góp phần xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn. Công ty phối hợp chặt chẽ với Công đoàn để triển khai nhiều chương trình an sinh xã hội tại địa phương, hướng đến các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn và những người có công với đất nước.

Hàng năm, FUTU1 tham gia ủng hộ các quỹ xã hội như Quỹ vì người nghèo, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ nhân đạo, Quỹ người cao tuổi, Quỹ thương binh liệt sĩ, Quỹ khuyến học... Bên cạnh đó, công ty còn đồng hành cùng chính quyền địa phương trong các chương trình hỗ trợ giáo dục, chăm sóc sức khỏe và phát triển cộng đồng.

Những hoạt động này không chỉ thể hiện tinh thần trách nhiệm của FUTU1 đối với xã hội mà còn góp phần xây dựng mối quan hệ gắn kết với cộng đồng, tạo ra giá trị bền vững cho sự phát triển chung của địa phương và doanh nghiệp.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024

| Chỉ tiêu | ĐV tính | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | TH 2024/kế hoạch 2024 | TH 2024/Thực hiện 2023 |
|------------------------------|-------------------------|----------------|---------------|----------------|-----------------------|------------------------|
| Giá trị sản xuất công nghiệp | tỷ đồng | 864,40 | 870,00 | 889,24 | 102,21% | 102,87% |
| Tổng doanh thu | tỷ đồng | 910,15 | 910,00 | 923,48 | 101,48% | 101,46% |
| Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 59,55 | 52,00 | 69,43 | 133,52% | 116,59% |
| Thu nhập bình quân | (triệu.đ /người /tháng) | 14,44 | 14,21 | 15,56 | 109,50% | 107,76% |
| Nộp ngân sách nhà nước | % | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |

- Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.

Năm 2024, FUTU1 tiếp tục duy trì sự tăng trưởng so với năm 2023 trên hầu hết các chỉ tiêu.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 889,24 tỷ đồng, tăng 2,87% so với năm trước và vượt 2,21% so với kế hoạch. Tổng doanh thu đạt 923,48 tỷ đồng, tăng 1,46% so với năm 2023 và vượt kế hoạch 1,48%.

Lợi nhuận sau thuế đạt 69,43 tỷ đồng, tăng 16,59% so với năm trước và cao hơn 33,52% so với kế hoạch đề ra. Thu nhập bình quân đạt 15,56 triệu đồng/người/tháng, tăng 7,76% so với năm trước. Nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước tiếp tục được thực hiện đầy đủ.

Nhìn chung, FUTU1 đã hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2024, duy trì sự ổn định và cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình Tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng.

| Chỉ tiêu | Số dư tại 31/12/2024 (Cuối năm) | | Số dư tại 01/01/2024 (Đầu năm) | | Chênh lệch (cuối năm-đầu năm) | | Chênh lệch cơ cấu |
|---------------------------------------|---------------------------------|----------|--------------------------------|----------|-------------------------------|----------|-------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | % | % |
| A. Tài sản ngắn hạn | 281.517 | 82,00% | 256.069 | 79,95% | 25.448 | 9,94% | 2,05% |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 15.554 | 4,53% | 17.793 | 5,56% | -2.239 | -12,58% | -1,03% |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 1.703 | 0,5% | 0 | | 1.703 | | 0,5% |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 114.679 | 33,40% | 94.408 | 29,48% | 20.271 | 21,47% | 3,92% |
| IV. Hàng tồn kho | 149.000 | 43,40% | 143.421 | 44,78% | 5.579 | 3,89% | -1,38% |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 582 | 0,17% | 446 | 0,14% | 136 | 30,49% | 0,03% |
| B. Tài sản dài hạn | 61.788 | 18,00% | 64.214 | 20,05% | -2.426 | -3,78% | -2,05% |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 0 | | 0 | | | | |
| II. Tài sản cố định | 59.445 | 17,32% | 61.443 | 19,18% | -1.998 | -3,25% | -1,86% |
| III. Bất động sản đầu tư | | | | | | | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | | | | | | | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | | | 2.000 | 0,62% | -2.000 | -100,00% | -0,62% |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 2.343 | 0,68% | 771 | 0,24% | 1.572 | 203,89% | 0,44% |
| Tổng tài sản | 343.305 | | 320.283 | | 23.022 | 7,19% | |

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của FUTU1 đạt 343.305 triệu đồng, tăng 23.022 triệu đồng (tăng 7,19%) so với đầu năm.

Tài sản ngắn hạn đạt 281.517 triệu đồng, tăng 25.448 triệu đồng (tăng 9,94%), chiếm 82% tổng tài sản, cao hơn mức 79,95% của đầu năm. Sự thay đổi chủ yếu đến từ:

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 20.271 triệu đồng (tăng 21,47%).

Hàng tồn kho tăng 5.579 triệu đồng (tăng 3,89%).

Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 2.239 triệu đồng (giảm 12,58%).

Tài sản dài hạn giảm 2.426 triệu đồng (giảm 3,78%), còn 61.788 triệu đồng, chiếm 18% tổng tài sản. Trong đó:

Tài sản cố định giảm 1.998 triệu đồng (giảm 3,25%).

Tài sản dài hạn khác tăng 1.572 triệu đồng (tăng 203,89%).

Nhìn chung, tài sản của FUTUI tiếp tục tăng trưởng, với sự gia tăng của tài sản ngắn hạn giúp nâng cao khả năng thanh khoản, trong khi tài sản dài hạn có sự điều chỉnh cơ cấu để tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng.

| Chỉ tiêu | Số dư tại 31/12/2024 (cuối năm) | | Số dư tại 01/01/2024 (đầu năm) | | Chênh lệch (cuối năm - đầu năm) | | Chênh lệch cơ cấu |
|-------------------------------------|---------------------------------|----------|--------------------------------|----------|---------------------------------|---------|-------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | % | |
| Nợ phải trả | 195.997 | 57,09% | 182.859 | 57,09% | 13.138 | 7,18% | 0,00% |
| Nợ ngắn hạn | 195.997 | 57,09% | 182.859 | 57,09% | 13.138 | 7,18% | 0,00% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 62.000 | 18,06% | 55.136 | 17,21% | 6.864 | 12,45% | 0,85% |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 70 | 0,02% | 132 | 0,04% | -62 | -46,97% | -0,02% |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 20.239 | 5,90% | 14.346 | 4,48% | 5.893 | 41,08% | 1,42% |
| Phải trả người lao động | 67.370 | 19,62% | 64.686 | 20,20% | 2.684 | 4,15% | -0,58% |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 1.355 | 0,39% | 1.324 | 0,41% | 31 | 2,34% | -0,02% |
| Phải trả ngắn hạn khác | 6.153 | 1,79% | 6.504 | 2,03% | -351 | -5,40% | -0,24% |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 | | 0,00% |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 38.810 | 11,30% | 28.367 | 8,86% | 10.443 | 36,81% | 2,44% |
| Nợ dài hạn | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 | | 0,00% |
| Vốn chủ sở hữu | 147.308 | 42,91% | 137.424 | 42,91% | 9.884 | 7,19% | 0,00% |
| Vốn chủ sở hữu | 147.308 | 42,91% | 137.424 | 42,91% | 9.884 | 7,19% | 0,00% |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 70.799 | 20,62% | 70.799 | 22,11% | 0 | 0,00% | -1,49% |
| Quỹ đầu tư phát triển | 7.080 | 2,06% | 7.080 | 2,21% | 0 | 0,00% | -0,15% |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 69.430 | 20,22% | 59.546 | 18,59% | 9.884 | 16,59% | 1,63% |

| Chỉ tiêu | Số dư tại 31/12/2024 (cuối năm) | | Số dư tại 01/01/2024 (đầu năm) | | Chênh lệch (cuối năm - đầu năm) | | Chênh lệch cơ cấu |
|--|---------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|---------------------------------|--------------|-------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | % | |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 | | 0,00% |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 69.430 | 20,22% | 59.546 | 18,59% | 9.884 | 16,59% | 1,63% |
| Tổng cộng nguồn vốn | 343.305 | 100,00% | 320.283 | 100,00% | 23.022 | 7,19% | |

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng cộng nguồn vốn đạt 343.305 triệu đồng, tăng 23.022 triệu đồng (tăng 7,19%) so với đầu năm. Trong đó:

Nợ phải trả cuối năm đạt 195.997 triệu đồng, tăng 13.138 triệu đồng (tăng 7,18%) so với đầu năm. Trong đó:

- Phải trả người bán ngắn hạn tăng 6.864 triệu đồng (tăng 12,45%).
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 5.893 triệu đồng (tăng 41,08%).
- Phải trả người lao động tăng 2.684 triệu đồng (tăng 4,15%).
- Chi phí phải trả ngắn hạn tăng 31 triệu đồng (tăng 2,34%).
- Phải trả ngắn hạn khác giảm 351 triệu đồng (giảm 5,40%).
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm 62 triệu đồng (giảm 46,97%).
- Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng 10.443 triệu đồng (tăng 36,81%).

Vốn chủ sở hữu cuối năm đạt 147.308 triệu đồng, tăng 9.884 triệu đồng (tăng 7,19%) so với đầu năm.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 9.884 triệu đồng (tăng 16,59%) so với đầu năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

FUTUI đặt mục tiêu duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững, tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và tiềm năng tăng trưởng. Công ty tiếp tục giữ vững thị phần trong lĩnh vực cung cấp linh kiện, phụ tùng, đồng thời mở rộng nhóm sản phẩm hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng mới và phát triển thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh đó, FUTUI không ngừng tìm kiếm các nguồn cung cấp vật liệu đảm bảo chất lượng với giá thành cạnh tranh, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và tối ưu hóa chi phí. Công ty cũng chú trọng đẩy mạnh phát triển các sản phẩm ngoài nhóm phụ tùng xe máy, từng bước đa dạng hóa danh mục sản phẩm để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động của thị trường truyền thống.

Trong thời gian tới, FUTUI tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, tập trung vào các nước trong khu vực, tận dụng các cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do để nâng cao năng lực cạnh tranh. Những định hướng này sẽ giúp công ty duy trì sự tăng trưởng ổn định, nâng cao vị thế trên thị trường và tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển dài hạn.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính được kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Về môi trường Công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ tiêu chuẩn Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015.

Về năng lượng Công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ tiêu chuẩn Hệ thống quản lý năng lượng theo ISO 50001:2018.

Các chất thải (chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại) trong Công ty đều được thu gom, phân loại và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

Nước thải: Kết quả quan trắc nước thải 04 đợt năm 2024 của Công ty xả ra môi trường sau khi qua hệ thống Trạm xử lý nước thải đạt yêu cầu, không có chỉ tiêu nào vượt giá trị C, cột B, QCVN 40:2011/BTNMT.

Khí thải: Kết quả quan trắc 04 đợt năm 2024 chất lượng không khí tại nơi làm việc mặt bằng 2 phân xưởng Đúc của Công ty đạt yêu cầu, không có chỉ tiêu nào vượt quy chuẩn QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chính sách phúc lợi và môi trường làm việc

- FUTUI luôn chú trọng đến việc đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, đồng thời duy trì việc làm và thu nhập ổn định. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định pháp luật, bao gồm ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và đảm bảo các quyền lợi theo hợp đồng lao động.

- Tiền lương được chi trả đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ. Công ty cũng triển khai các chương trình đào tạo, huấn luyện định kỳ, trang cấp đầy đủ và nâng cao chất lượng phương tiện bảo vệ cá nhân nhằm đảm bảo an toàn lao động.

- Trong năm 2024, FUTUI tiếp tục cải thiện điều kiện làm việc, bao gồm nâng cấp hệ thống chiếu sáng, tăng cường thông thoáng nhà xưởng, lắp đặt hệ thống hút mùi, sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật.

Công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường

- FUTU1 đặc biệt chú trọng đến công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), phòng cháy chữa cháy (PCCC) và bảo vệ môi trường (BVMT). Trong năm, Công ty đã phối hợp với các đơn vị đào tạo chuyên trách để tổ chức huấn luyện cho:

- + Nhóm ATVSLĐ: 190 người thuộc các nhóm 1, 2, 4, 5.
- + Lực lượng sơ cấp cứu: 81 người.
- + Diễn tập phương án PCCC & cứu nạn cứu hộ (CNCH): 33 người.
- + Ứng phó sự cố hóa chất: 17 người.

Công ty cũng thực hiện trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo đúng quy định tại Thông tư 25/2022/TT-BLĐTBXH, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cho người lao động.

Bên cạnh đó, FUTU1 đã tiến hành quan trắc môi trường lao động với tổng số 522 mẫu, trong đó 406 mẫu đạt tiêu chuẩn, 106 mẫu chưa đạt. Trên cơ sở kết quả đo kiểm, Công ty đã lập kế hoạch cải thiện điều kiện làm việc nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao an toàn lao động và sức khỏe cho người lao động.

Nhờ những nỗ lực trong công tác quản lý và chăm lo đời sống, người lao động luôn an tâm gắn bó với FUTU1, góp phần duy trì nguồn nhân lực ổn định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2024, FUTU1 luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường. Nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp kiểm soát và quản lý rủi ro, Công ty không để xảy ra sự cố môi trường, hóa chất hay cháy nổ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người lao động, cộng đồng dân cư xung quanh và tuân thủ các yêu cầu của chính quyền địa phương.

FUTU1 luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội tại địa phương. Công ty phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để tham gia và đóng góp cho các chương trình xã hội, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc đồng hành cùng sự phát triển bền vững của cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2024, FUTU1 tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Ban điều hành đã chủ động triển khai các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận cũng như các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành công này có được nhờ vào sự điều hành linh hoạt, hiệu quả của Ban Giám đốc và sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, phân xưởng sản xuất trong toàn Công ty.

Hội đồng quản trị luôn theo sát diễn biến hoạt động, kịp thời đưa ra các chỉ đạo và định hướng chiến lược, đảm bảo Công ty vận hành ổn định, tối ưu hóa nguồn lực và phát triển bền vững. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã giúp FUTUI duy trì vị thế trên thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

FUTUI cam kết phát triển bền vững, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ. Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp quản lý tài nguyên hiệu quả, cải tiến công nghệ để giảm thiểu tác động đến môi trường và tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng. Đồng thời, FUTUI cũng không ngừng nâng cao điều kiện làm việc, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, FUTUI tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động từ thiện, quỹ phúc lợi và chương trình hỗ trợ người lao động. Những nỗ lực này thể hiện trách nhiệm của FUTUI trong việc phát triển doanh nghiệp gắn liền với lợi ích chung của xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự lãnh đạo của Ban Giám đốc trong năm 2024. Dưới sự điều hành linh hoạt của Giám đốc và Ban điều hành, FUTUI đã không chỉ hoàn thành mà còn vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Ban Giám đốc đã tập trung nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa nguồn lực, góp phần quan trọng vào việc duy trì sự tăng trưởng của Công ty. Đồng thời, Ban điều hành luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty cũng như các quy chế nội bộ, đảm bảo hoạt động kinh doanh minh bạch, hiệu quả và đúng định hướng phát triển dài hạn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, đồng thời tăng cường phối hợp với Ban Kiểm soát và Ban Điều hành để nâng cao hiệu quả quản trị.

Mục tiêu trọng tâm là phát triển FUTUI bền vững, hiệu quả trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị, quản lý tài chính và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông, người lao động và Công ty. HĐQT sẽ giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nghị quyết, tuân thủ pháp luật và các quy chế nội bộ.

Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh sản xuất, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển khách hàng mới. Đồng thời, FUTUI sẽ tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, thúc đẩy cải tiến Kaizen và phát triển nhân sự chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu đổi mới và tăng trưởng.

HĐQT cũng sẽ tăng cường hợp tác, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời hỗ trợ Ban Điều hành triển khai các chiến lược phát triển phù hợp với định hướng trung và dài hạn.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên hội đồng quản trị:

Ông Ngô Văn Thái - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,014%

Ông Trần Đức Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc

(từ tháng 06/2023)

Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,085%

Ông Nguyễn Đức Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm 1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Ông Vũ Duy Hải – Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,051%.

Ông Hồ Ngọc Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1975

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,81%.

1.2. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị: không có

1.3. Hoạt động của hội đồng quản trị.

Năm 2024, Hội đồng quản trị (HĐQT) FUTU1 tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật, chủ động chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), góp phần giúp Công ty duy trì ổn định và phát triển trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

Tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024, FUTU1 đã tổ chức bầu HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029. Các thành viên trúng cử có đầy đủ tiêu chuẩn, năng lực và kinh nghiệm để tiếp tục lãnh đạo Công ty trong giai đoạn phát triển mới, đảm bảo tính kế thừa và đổi mới trong quản trị doanh nghiệp. Sau khi kiện toàn bộ máy lãnh đạo, HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đảm bảo hoạt động quản trị diễn ra hiệu quả.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 21 phiên họp định kỳ và đột xuất, ban hành 51 Nghị quyết và 16 Quyết định nhằm kịp thời chỉ đạo, điều hành các hoạt động quan trọng của Công ty, bao gồm:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024.
- Chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm 2024, theo dõi sát sao tình hình sản xuất, kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính và tăng trưởng.
- Xem xét và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch với bên liên quan theo đúng quy định pháp luật và quy chế nội bộ, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động tài chính.
- Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa cổ đông và Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT cũng như tình hình thực hiện chiến lược phát triển của Công ty.
- Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2024, phê duyệt chủ trương đầu tư và các nội dung liên quan đến quản lý hoạt động đầu tư.

Danh sách các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2024 đã được lập mục riêng trên Báo cáo tình hình quản trị năm 2024. Báo cáo này đã được đăng tải tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của FUTU1 tại địa chỉ <http://futu1.com.vn/> từ ngày 23/01/2025 và trên các hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Công ty không có thành viên hội đồng quản trị độc lập.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban kiểm soát

Năm 2024, Ban kiểm soát Công ty tiếp tục thực hiện nhiệm kỳ của mình với 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên không chuyên trách.

Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, cụ thể:

2.1. Thành viên, cơ cấu Ban kiểm soát.

Bà Đồng Thị Thanh Ngân - Trưởng ban

Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Không

Ông Nguyễn Thị Thanh Bình - Thành viên

Sinh năm: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Không

Ông Bùi Tuấn Anh - Thành viên

Sinh năm: 1992

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: Không

2.2. Hoạt động của ban kiểm soát.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 tổ chức ngày 25/4/2024, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 đã hoàn thành nhiệm kỳ. Đại hội đã tiến hành bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát mới gồm ba thành viên, trong đó bà Đồng Thị Thanh Ngân tiếp tục giữ chức Trưởng ban, cùng hai thành viên mới là bà Nguyễn Thị Thanh Bình và ông Bùi Tuấn Anh.

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 07 cuộc họp, kết hợp giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến. Nội dung các cuộc họp tập trung vào công tác giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định của công ty. Các thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp, trao đổi thông tin thường xuyên và kịp thời thông qua nhiều hình thức như họp nội bộ, trao đổi trực tuyến, điện thoại, email.

Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc điều hành trong việc triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và tài chính. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, ban hành các Nghị quyết quan trọng và theo dõi tiến độ thực hiện. Ban Kiểm soát nhận thấy HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát công tác quản lý tài chính, kiểm soát các giao dịch với bên liên quan và thực hiện các điều chỉnh cần thiết để phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.

Về hoạt động điều hành, năm 2024 diễn ra trong bối cảnh thị trường có nhiều khó khăn do nhu cầu sử dụng xe máy giảm, áp lực từ xu hướng tiêu dùng xe điện, cũng như các tác động từ tình hình kinh tế vĩ mô. Trước những thách thức này, Ban Giám đốc đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất ổn định, tập trung cải tiến công nghệ, tối ưu chi phí và mở rộng thị trường. Công ty đã đầu tư thay thế máy móc thiết bị cũ, lạc hậu hết khấu hao bằng công nghệ hiện đại hơn, cải tiến quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh.

Về hoạt động kinh doanh, Ban Giám đốc đã thực hiện nhiều biện pháp để phát triển khách hàng mới cả trong và ngoài nước, đặc biệt tập trung vào các dự án trọng điểm. Công tác kiểm soát tài chính cũng được thực hiện chặt chẽ nhằm tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Ban Kiểm soát nhận thấy quyền lợi của cổ đông đã được đảm bảo thông qua việc tham dự Đại hội đồng cổ đông, thực hiện quyền bầu cử, góp ý vào các báo cáo, kế hoạch của Công ty, và nhận cổ tức theo đúng quy định. Trong năm 2024, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị nào từ cổ đông liên quan đến hoạt động quản trị Công ty.

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các phòng ban chuyên môn tiếp tục được duy trì chặt chẽ. Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp mở rộng của HĐQT, đóng góp ý kiến về các nội dung quản trị doanh nghiệp trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật và thực tế hoạt động. Đồng thời, đại diện Ban Kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp sản xuất định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, qua đó đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong năm tới, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện tốt vai trò giám sát, tăng cường phối hợp với HĐQT và Ban điều hành để đảm bảo Công ty hoạt động minh bạch, hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và lợi ích của cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành được công khai minh bạch, tuân thủ theo quy định của Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thông tin chi tiết về các khoản thù lao, lương, thưởng của các thành viên quản lý đã được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán. Báo cáo này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của FUTU1 tại địa chỉ <http://futu1.com.vn/> từ ngày 11/03/2025, đồng thời đăng tải trên hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3.2. Giao dịch cổ phiếu người nội bộ:

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định quản trị Công ty:

Năm 2024, Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Các hoạt động quản trị, điều hành được thực hiện minh bạch, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã triển khai đầy đủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ và công bố thông tin đúng quy định. Các cuộc họp được tổ chức đúng kế hoạch, đảm bảo tính hiệu quả trong quản lý và giám sát.

Ban Kiểm soát đánh giá Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị doanh nghiệp, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả hoạt động.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. *(đính kèm báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán)*

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Trần Đức Hưng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà - Số 165 Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - TP. Hà Nội - Điện thoại: (+84) 24 62 670 491/492/493 - Website: www.vae.com.vn

VP Hà Nội: Số 121 Phố 8/3, Phường Quỳnh Mai
Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 901 711 999

VP TP HCM: Số 17/3 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 62 521 818

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, Tổ 10, phường Mô Chè, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02 - 03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 - 05 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 06 - 07 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 08 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 09 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 34 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|---------------------|---|
| Ông Ngô Văn Thái | Chủ tịch |
| Ông Trần Đức Hưng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Đức Dũng | Thành viên |
| Ông Vũ Duy Hải | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2024) |
| Ông Hồ Ngọc Vinh | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2024) |
| Ông Nguyễn Đức Hiền | Thành viên (Hết nhiệm kỳ từ ngày 25/4/2024) |
| Ông Lê Văn Hùng | Thành viên (Hết nhiệm kỳ từ ngày 25/4/2024) |

Ban Giám đốc

| | |
|---------------------|--------------|
| Ông Trần Đức Hưng | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Đức Dũng | Phó Giám đốc |
| Ông Vũ Duy Hải | Phó Giám đốc |

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1



GIÁM ĐỐC
Trần Đức Hưng

Trần Đức Hưng
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Số: 0302.02 -25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025 ✓

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (“gọi tắt là Công ty”) được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 281.517.348.023 | 256.068.753.685 |
| I Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 15.553.572.124 | 17.793.072.205 |
| 1 Tiền | 111 | | 5.553.572.124 | 2.793.072.205 |
| 2 Các khoản tương đương tiền | 112 | | 10.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| II Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.703.000.000 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.9 | 1.703.000.000 | - |
| III Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 114.679.204.850 | 94.408.178.356 |
| 1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 110.283.880.921 | 91.559.935.759 |
| 2 Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 3.367.928.130 | 1.929.783.649 |
| 3 Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 951.097.345 | 830.107.389 |
| 4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.2 | - | (79.373.844) |
| 5 Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | V.8 | 76.298.454 | 167.725.403 |
| IV Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 148.999.514.006 | 143.421.408.485 |
| 1 Hàng tồn kho | 141 | | 148.999.514.006 | 143.421.408.485 |
| 2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 582.057.043 | 446.094.639 |
| 1 Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 582.057.043 | 446.094.639 |
| B TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 61.787.749.135 | 64.214.263.974 |
| I Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II Tài sản cố định | 220 | | 59.444.848.316 | 61.443.013.979 |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 58.193.248.316 | 60.191.413.979 |
| - Nguyên giá | 222 | | 654.723.412.323 | 627.577.348.797 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (596.530.164.007) | (567.385.934.818) |
| 2 Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 1.251.600.000 | 1.251.600.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 3.502.565.540 | 3.502.565.540 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.250.965.540) | (2.250.965.540) |
| III Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.9 | - | 2.000.000.000 |
| 1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 958.800.000 | 958.800.000 |
| 2 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (958.800.000) | (958.800.000) |
| 3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | 2.000.000.000 |
| VI Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.342.900.819 | 771.249.995 |
| 1 Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7 | 2.342.900.819 | 771.249.995 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 343.305.097.158 | 320.283.017.659 |

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 195.997.055.753 | 182.858.557.651 |
| I Nợ ngắn hạn | 310 | | 195.997.055.753 | 182.858.557.651 |
| 1 Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 62.000.191.803 | 55.135.757.370 |
| 2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 70.030.280 | 132.030.280 |
| 3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 20.238.720.533 | 14.346.108.423 |
| 4 Phải trả người lao động | 314 | | 67.370.154.341 | 64.686.353.352 |
| 5 Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 1.355.202.425 | 1.324.477.094 |
| 6 Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 6.152.818.311 | 6.503.980.264 |
| 7 Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.18 | - | 12.363.341.591 |
| 8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 38.809.938.060 | 28.366.509.277 |
| II Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 147.308.041.405 | 137.424.460.008 |
| I Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 147.308.041.405 | 137.424.460.008 |
| 1 Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 70.798.530.000 | 70.798.530.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 70.798.530.000 | 70.798.530.000 |
| 2 Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 7.079.853.000 | 7.079.853.000 |
| 3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 69.429.658.405 | 59.546.077.008 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 69.429.658.405 | 59.546.077.008 |
| II Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 343.305.097.158 | 320.283.017.659 |

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Minh Thư

Lê Thị Minh Thư



Trần Đức Hưng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024 | Năm 2023 (Trình bày lại) |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------------------|
| 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 920.904.275.141 | 909.849.625.366 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 412.599.238 | 1.129.920.668 |
| 3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | VI.3 | 920.491.675.903 | 908.719.704.698 |
| 4 Giá vốn hàng bán | 11 | VI.4 | 760.111.252.542 | 755.255.390.083 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 160.380.423.361 | 153.464.314.615 |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.5 | 2.691.019.694 | 1.374.729.561 |
| 7 Chi phí tài chính | 22 | VI.6 | 728.929.862 | 2.660.256.695 |
| Chi phí lãi vay | 23 | | 363.771.965 | 2.218.495.669 |
| 8 Chi phí bán hàng | 25 | VI.7 | 17.555.386.685 | 16.869.462.600 |
| 9 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.8 | 56.604.813.885 | 60.243.136.071 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 88.182.312.623 | 75.066.188.810 |
| 11 Thu nhập khác | 31 | VI.9 | 295.163.333 | 50.710.000 |
| 12 Chi phí khác | 32 | VI.1 | 610.501.270 | 71.154.760 |
| 13 Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (315.337.937) | (20.444.760) |
| 14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 87.866.974.686 | 75.045.744.050 |
| 15 Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.12 | 18.437.316.281 | 15.499.667.042 |
| 16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 69.429.658.405 | 59.546.077.008 |
| 18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.13 | 9.806,65 | 3.700,00 |

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Minh Thư

Lê Thị Minh Thư



Trần Đức Hưng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------|-----------------------------|
| | | | Năm 2024 | Năm 2023 (Trình bày lại) |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 87.866.974.686 | 75.045.744.050 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư | 02 | | 29.973.892.936 | 25.574.611.315 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (12.442.715.435) | 242.566.463 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (215.396.253) | (575.187) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (613.621.399) | (229.520.393) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 363.771.965 | 2.218.495.669 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 104.932.906.500 | 102.851.321.917 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (20.060.538.858) | 45.376.765.364 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (5.578.105.521) | 59.075.573.848 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 23.056.773.771 | (60.914.122.180) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (1.707.613.228) | (10.730.990) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (363.771.965) | (2.218.495.669) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (14.899.068.855) | (18.720.367.988) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 90.910.000 | 50.710.000 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (22.907.192.125) | (31.905.347.760) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 62.564.299.719 | 93.585.306.542 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (39.540.937.560) | (33.992.067.632) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 205.900.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1.703.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 2.000.000.000 | - |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 429.913.399 | 229.520.393 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (38.608.124.161) | (33.762.547.239) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 30.949.589.540 | 77.332.076.566 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (30.949.589.540) | (94.131.624.307) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (26.195.456.100) | (28.319.412.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (26.195.456.100) | (45.118.959.741) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | (2.239.280.542) | 14.703.799.562 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 17.793.072.205 | 3.089.156.096 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (219.539) | 116.547 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | V.1 | 15.553.572.124 | 17.793.072.205 |


Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Lê Thị Minh Thư

Lê Thị Minh Thư

Trần Đức Hưng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Phụ tùng máy số 1 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1703000438 ngày 31/12/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Công ty đã có 05 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 số 4600358468 ngày 01/11/2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Vốn điều lệ của Công ty là: **70.798.530.000 đồng** (Bảy mươi tỷ, bảy trăm chín mươi tám triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng Việt Nam).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là FT1.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng máy động lực và máy nông nghiệp;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí, công cụ lao động phục vụ các ngành nông lâm, ngư nghiệp và giao thông vận tải;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, điện máy; Sản xuất phụ tùng;
- Sản xuất phụ tùng, lắp ráp, sửa chữa ô tô, xe máy;
- Lắp ráp và chuyển giao dây truyền công nghệ;
- Xây dựng và lắp đặt hệ thống cung cấp điện dưới 35KV;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng, giao thông, thủy lợi; Trang trí nội thất.

Trụ sở công ty tại: Đường 3/2, Tổ 10, phường Mỏ Chè, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 1.097 người (tại ngày 31/12/2023: 1.124 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công tại thời điểm lập báo cáo tài chính, trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Trái phiếu được theo dõi theo từng kỳ hạn. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn.

Trái phiếu lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, và đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, được ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, có thể không ghi giảm khoản đầu tư nhưng phải thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 31/12/2024 Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

| <i>Loại tài sản cố định</i> | <i>Thời gian khấu hao (năm)</i> |
|-----------------------------|---------------------------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 20 |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay của Công ty bao gồm các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan - Chi nhánh Thái Nguyên, được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các hợp đồng vay, kế ước vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản: Chi phí tiền lương phép cho cán bộ công nhân viên và trích trước chi phí phải trả tiền điện kỳ 3 tháng 12 là các chi phí thực tế phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng sửa chữa lớn và bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán vật tư, doanh thu bán phụ tùng xe máy, doanh thu bán sản phẩm cơ khí, doanh thu khác và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán vật tư, phụ tùng xe máy và sản phẩm cơ khí

Doanh thu bán vật tư, phụ tùng xe máy và sản phẩm cơ khí được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

thế đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập khác.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Thuế suất thuế GTGT tùy theo từng mặt hàng mà mức thuế suất áp dụng là 0% với các mặt hàng bán cho doanh nghiệp trong khu chế xuất và xuất khẩu, không chịu thuế đối với sản phẩm máy nông nghiệp và 10% đối với các mặt hàng là sản phẩm cơ khí và phụ tùng xe máy.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là các sản phẩm cơ khí chính xác và hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và xuất khẩu. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền | 5.553.572.124 | 2.793.072.205 |
| Tiền mặt | 465.039.675 | 149.677.754 |
| Tiền gửi ngân hàng | 5.088.532.449 | 2.643.394.451 |
| Các khoản tương đương tiền | 10.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 1 tháng (*) | 10.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Cộng | 15.553.572.124 | 17.793.072.205 |

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 222/2024/86599 ngày 23/12/2024 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thái Nguyên với số tiền 10 tỷ đồng, kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 3,8%/năm, lãi trả cuối kỳ.

2. Phải thu của khách hàng

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|------------------------|----------|-----------------------|---------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| Công ty Honda Việt Nam | 30.609.030.994 | - | 21.939.380.475 | - |
| Công ty TNHH Atsumitec Việt Nam | 14.466.202.121 | - | 13.904.836.444 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Việt Nam | 6.739.735.838 | - | 6.432.968.784 | - |
| Công ty TNHH Piaggio Việt Nam | 8.286.260.432 | - | 9.358.334.825 | - |
| Các đối tượng khác | 50.182.651.536 | - | 39.924.415.231 | (79.373.844) |
| Cộng | 110.283.880.921 | - | 91.559.935.759 | (79.373.844) |

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

3. Trả trước cho người bán

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|---------------|-------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH Tuyết Nga | 921.090.000 | 514.940.000 |
| Công ty TNHH đầu tư và phát triển Lập Phương | - | 511.898.149 |
| Công ty Cổ Phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hòa Phú | 2.110.639.500 | 222.420.000 |

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

| | | |
|--|------------------------|-------------------------------|
| Công ty CP thương mại và kỹ thuật M.D | - | 600.600.000 |
| Các đối tượng khác | 336.198.630 | 79.925.500 |
| Cộng | 3.367.928.130 | 1.929.783.649 |
| 4. Phải thu khác | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| | VND | VND |
| | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | | |
| Dư nợ Phải trả khác | 746.097.345 | - |
| Bảo hiểm Xã hội | 564.706.674 | - |
| Bảo hiểm Y tế | 110.867.274 | - |
| Bảo hiểm Thất nghiệp | 70.523.397 | - |
| Tạm ứng | 15.000.000 | - |
| Phải thu khác | 190.000.000 | - |
| Cộng | 951.097.345 | - |
| | | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| 5. Nợ xấu | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| | VND | VND |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | |
| <i>Phải thu của khách hàng</i> | - | - |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo | - | - |
| Cộng | - | - |
| | | |
| 6. Hàng tồn kho | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| | VND | VND |
| | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 37.297.699.021 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 7.051.763.804 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 73.291.290.312 | - |
| Thành phẩm | 31.358.760.869 | - |
| Cộng | 148.999.514.006 | - |
| | | |
| | | |
| 7. Chi phí trả trước | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 582.057.043 | 446.094.639 |
| Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ | 582.057.043 | 446.094.639 |
| b) Dài hạn | 2.342.900.819 | 771.249.995 |
| Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ | 2.342.900.819 | 771.249.995 |
| Cộng | 2.924.957.862 | 1.217.344.634 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, Tổ 10, phường Mỏ Chè, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 31/12/2024 | | | 01/01/2024 | | |
|----------------------------|-------------|----------|-------------------|-------------|----------|--------------------|
| | VND | | | VND | | |
| | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị |
| Hàng tồn kho | | | | | | |
| 11202-KWW-09 | Cái | - | - | Cái | 11.382 | 45.767.010 |
| 11202-KWN-9001-H1-09 | Cái | - | - | Cái | 3.943 | 31.065.652 |
| 2ND-F5442-00-00-80-79 | Cái | - | - | Cái | 381 | 25.020.315 |
| 28111-KWW-7400-19 | Cái | - | - | Cái | 963 | 21.643.551 |
| Bi kim NTN K19x23x13S | Cái | 1.242 | 15.226.050 | Cái | - | - |
| 097806595-0000-09 | Cái | 154 | 6.675.859 | Cái | - | - |
| 23801-KTM-9002-19 | Cái | 6.600 | 31.664.134 | Cái | - | - |
| Vòng đệm NTN BR23 | Cái | 1.076 | 1.965.944 | Cái | - | - |
| 1005LL92-09 | Cái | 7 | 2.844.453 | Cái | - | - |
| Các tài sản khác | | | 17.922.014 | | | 44.228.875 |
| Cộng | | | 76.298.454 | | | 167.725.403 |

Đơn vị tính: VND

9. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| a.1) Ngắn hạn | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|----------------------|----------------------|------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn | | | | |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thái Nguyên (*) | 1.703.000.000 | 1.703.000.000 | - | - |
| Cộng | 1.703.000.000 | 1.703.000.000 | - | - |

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 222/2024/81549 ngày 19/11/2024 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thái Nguyên với số tiền 1.703.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,2%/năm, lãi trả cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, Tổ 10, phường Mỏ Chè, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Đơn vị tính: VND

| | 31/12/2024 | | | 01/01/2024 | | |
|--|------------|----------|--------------------|---------------|----------|--------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý (*) | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý (*) |
| a.2) Dài hạn | - | - | - | 2.000.000.000 | - | - |
| Tổng giá trị trái phiếu | - | - | - | 2.000.000.000 | - | - |
| Trái phiếu mua của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | - | - | - | 2.000.000.000 | - | - |
| Cộng | - | - | - | 2.000.000.000 | - | - |

Thông tin về Trái phiếu:

Mã số Trái phiếu: CTG2129T2-546

Đơn vị phát hành trái phiếu: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Loại Trái phiếu: Trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2021 đáo hạn năm 2029

Số lượng: 20.000 Trái phiếu tại ngày 18/11/2021

Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 đồng/Trái phiếu

Kỳ hạn Trái phiếu: 08 năm từ ngày 18/11/2021 đến 18/11/2029

Lãi suất Trái phiếu: Lãi suất áp dụng cho toàn bộ thời hạn 08 năm là lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + Biên độ 0,9%/năm

Phương thức thanh toán gốc, lãi:

+ Tiền lãi Trái phiếu CTG2129T2-546 được trả định kỳ 01 năm một lần vào ngày Thanh toán lãi Trái phiếu CTG2129T2-546;

+ Tiền lãi Trái phiếu CTG2129T2-546 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại Trái phiếu CTG2129T2-546 thì ngày thanh toán năm thứ 03 sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của Trái phiếu CTG2129T2-546 và Tiền lãi năm thứ 03 sẽ được thanh toán cùng tiền gốc Trái phiếu vào ngày thực hiện quyền mua lại Trái phiếu CTG2129T2-546.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, Tổ 10, phường Mỏ Chè, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

Trình bày thông tin về các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01.FUTU1/2021/HĐBĐ/NHCT222 ngày 23/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công. Tài sản cầm cố Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2021 đáo hạn năm 2029. Mã trái phiếu CTG2129T2-546. Giá trị cầm cố 2 tỷ đồng. Mục đích cầm cố phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khoản trái phiếu mua của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã được Công ty tất toán bán trước kỳ hạn trong năm 2024.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2024 | | | 01/01/2024 | | |
|-------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý (*) | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý (*) |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 958.800.000 | (958.800.000) | | 958.800.000 | (958.800.000) | |
| Công ty CP Cơ khí Vinh | 958.800.000 | (958.800.000) | | 958.800.000 | (958.800.000) | |
| Cộng | 958.800.000 | (958.800.000) | | 958.800.000 | (958.800.000) | |

(*) Công ty CP Cơ khí Vinh đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí kim loại. Công ty hoạt động bình thường, không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Địa chỉ: Đường 3/2, Tổ 10, phường Mô Chè, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|------------------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2024 | 107.490.741.994 | 501.397.655.213 | 15.842.735.426 | 2.846.216.164 | 627.577.348.797 |
| Mua trong năm | - | 27.975.727.273 | - | - | 27.975.727.273 |
| Phân loại lại | | (1.515.000.000) | | 1.515.000.000 | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (829.663.747) | - | (829.663.747) |
| Số dư ngày 31/12/2024 | 107.490.741.994 | 529.373.382.486 | 15.013.071.679 | 2.846.216.164 | 654.723.412.323 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2024 | 99.094.328.066 | 450.383.097.151 | 15.062.293.437 | 2.846.216.164 | 567.385.934.818 |
| Khấu hao trong năm | 1.645.274.904 | 28.041.338.776 | 287.279.256 | - | 29.973.892.936 |
| Phân loại lại | | (57.513.891) | 57.513.891 | | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (829.663.747) | - | (829.663.747) |
| Số dư ngày 31/12/2024 | 100.739.602.970 | 478.366.922.036 | 14.577.422.837 | 2.846.216.164 | 596.530.164.007 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 8.396.413.928 | 51.014.558.062 | 780.441.989 | - | 60.191.413.979 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 6.751.139.024 | 51.006.460.450 | 435.648.842 | - | 58.193.248.316 |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 2.013.072.481 VND (tại ngày 31/12/2023 là 8.474.843.917 VND)

- Nguyên giá của TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 517.976.823.962 VND (tại ngày 31/12/2023 là 530.508.037.582 VND).

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

| 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình | Đơn vị tính: VND | | | |
|--|------------------|-----------------------------------|-------------------|---------------|
| | | Phản mềm kế toán và Công nghệ đúc | Quyền sử dụng đất | Tổng cộng |
| Khoản mục | | | | |
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2024 | | 2.250.965.540 | 1.251.600.000 | 3.502.565.540 |
| Mua trong năm | | - | - | - |
| Số dư ngày 31/12/2024 | | 2.250.965.540 | 1.251.600.000 | 3.502.565.540 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư ngày 01/01/2024 | | 2.250.965.540 | - | 2.250.965.540 |
| Khấu hao trong năm | | - | - | - |
| Số dư ngày 31/12/2024 | | 2.250.965.540 | - | 2.250.965.540 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | | - | 1.251.600.000 | 1.251.600.000 |
| Tại ngày 31/12/2024 | | - | 1.251.600.000 | 1.251.600.000 |

Nguyên giá của TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 2.250.965.540 VND (tại ngày 31/12/2023 là 2.250.965.540 VND).

| 12. Phải trả người bán | Đơn vị tính: VND | | | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| Công ty CP Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp | 14.303.288.285 | 14.303.288.285 | 12.256.620.895 | 12.256.620.895 |
| Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam | 6.408.950.988 | 6.408.950.988 | 6.274.535.815 | 6.274.535.815 |
| Công ty TNHH Đúc Nam Ninh | 4.159.209.549 | 4.159.209.549 | 2.432.550.995 | 2.432.550.995 |
| Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công | - | - | 243.614.342 | 243.614.342 |
| Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn bộ | 642.510.000 | 642.510.000 | - | - |
| Các đối tượng khác | 36.486.232.981 | 36.486.232.981 | 33.928.435.323 | 33.928.435.323 |
| Cộng | 62.000.191.803 | 62.000.191.803 | 55.135.757.370 | 55.135.757.370 |

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

| 13. Người mua trả tiền trước | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------------|------------|
| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| Ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH Sản xuất thương mại mô tô Việt Nhật | 60.406.130 | 60.406.130 |
| Công ty TNHH Asahi Sangyo Việt Nam | - | 70.000.000 |
| Đình Văn Hậu | 8.000.000 | - |

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

| | | | | |
|--|-----------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Phú Gia Nguyễn | | | 1.624.150 | 1.624.150 |
| Cộng | | | 70.030.280 | 132.030.280 |
| 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | | | Đơn vị tính: VND |
| Khoản mục | 01/01/2024 | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | 31/12/2024 |
| a) Phải nộp | | | | |
| Thuế GTGT hàng bán | 942.085.606 | 24.604.982.895 | 22.519.761.670 | 3.027.306.831 |
| Thuế TNDN | 12.946.611.612 | 18.437.316.281 | 14.899.068.855 | 16.484.859.038 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 457.411.205 | 4.001.801.528 | 3.732.658.069 | 726.554.664 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 2.844.947.093 | 2.844.947.093 | - |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 345.048.775 | 345.048.775 | - |
| Cộng | 14.346.108.423 | 50.237.096.572 | 44.344.484.462 | 20.238.720.533 |
| 15. Phải trả khác | | | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| | | | VND | VND |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tài sản thừa chờ xử lý | | | 95.941.746 | 114.448.750 |
| Kinh phí công đoàn | | | 5.158.934.955 | 5.464.280.622 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | | | 897.941.610 | 925.250.892 |
| Cộng | | | 6.152.818.311 | 6.503.980.264 |
| 16. Chi phí phải trả | | | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| | | | VND | VND |
| Ngắn hạn | | | | |
| Chi phí trích trước tiền lương phép phải trả cán bộ công nhân viên | | | 307.573.200 | 268.104.000 |
| Chi phí trích trước tiền điện kỳ 3 tháng 12 | | | 1.047.629.225 | 1.056.373.094 |
| Cộng | | | 1.355.202.425 | 1.324.477.094 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

| | 31/12/2024 | | Trong năm | | Đơn vị tính: VND 01/01/2024 | |
|---|------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công (1) | - | - | 21.337.599.405 | 21.337.599.405 | - | - |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (2) | - | - | 9.611.990.135 | 9.611.990.135 | - | - |
| Cộng | - | - | 30.949.589.540 | 30.949.589.540 | - | - |

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công theo Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.FUTU1/2019/HĐBĐ/NHCT222 ngày 11/7/2019, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.FUTU1/2019/HĐBĐ/NHCT222 ngày 31/10/2019, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.FUTU1/2021/HĐBĐ/NHCT222 ngày 23/12/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Khoản vay đã được tất toán trong năm 2024.

(2) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất được quy định trên khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số SHBVN/TN/2023/HĐTC-10 ngày 10/02/2023. Khoản vay đã được tất toán trong năm 2024.

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

| 18. Dự phòng phải trả | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | | |
| Dự phòng chi phí sửa chữa lớn và bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ | - | 12.363.341.591 |
| Cộng | - | 12.363.341.591 |

19. **Vốn chủ sở hữu**a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Vốn góp của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư 01/01/2023 | 70.798.530.000 | 76.025.651.484 | 146.824.181.484 |
| Lãi trong năm trước | - | 59.546.077.008 | 59.546.077.008 |
| Phân phối các quỹ | - | (47.706.239.484) | (47.706.239.484) |
| Chia cổ tức | - | (28.319.412.000) | (28.319.412.000) |
| Số dư 01/01/2024 | 70.798.530.000 | 59.546.077.008 | 130.344.607.008 |
| Lãi trong năm nay | - | 69.429.658.405 | 69.429.658.405 |
| Phân phối các quỹ (*) | - | (33.350.620.908) | (33.350.620.908) |
| Chia cổ tức (*) | - | (26.195.456.100) | (26.195.456.100) |
| Số dư 31/12/2024 | 70.798.530.000 | 69.429.658.405 | 140.228.188.405 |

(*) Công ty phân phối các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024.

b) *Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu*

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| TCT Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam- CTCP | 38.939.190.000 | 38.939.190.000 |
| Các cổ đông khác | 31.859.340.000 | 31.859.340.000 |
| Cộng | 70.798.530.000 | 70.798.530.000 |

c) *Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 70.798.530.000 | 70.798.530.000 |
| Vốn góp đầu năm | 70.798.530.000 | 70.798.530.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 70.798.530.000 | 70.798.530.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 26.195.456.100 | 28.319.412.000 |

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------|-----------------|
| | <u>Cổ phiếu</u> | <u>Cổ phiếu</u> |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 7.079.853 | 7.079.853 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 7.079.853 | 7.079.853 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 7.079.853 | 7.079.853 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 7.079.853 | 7.079.853 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 7.079.853 | 7.079.853 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu | | |

e) Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục | 01/01/2024 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/12/2024 |
|-----------------------|----------------------|----------------|----------------|----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 7.079.853.000 | - | - | 7.079.853.000 |
| Cộng | <u>7.079.853.000</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>7.079.853.000</u> |

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------------|----------|-----------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| Tiền USD | 232,01 | 15.363,31 |
| Tiền EUR | 268,70 | - |

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| a) Doanh thu | | |
| Doanh thu bán vật tư | 16.934.818.222 | 35.032.288.600 |
| Doanh thu bán phụ tùng xe máy | 747.449.421.532 | 736.874.138.312 |
| Doanh thu bán sản phẩm cơ khí | 142.303.156.087 | 125.863.839.854 |
| Doanh thu bán phế liệu | 14.216.879.300 | 12.079.358.600 |
| Cộng | <u>920.904.275.141</u> | <u>909.849.625.366</u> |

b) Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------------|--------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chiết khấu thương mại: | 92.214.914 | 860.611.701 |
| Sản phẩm phụ tùng xe máy | 92.214.914 | 860.611.701 |
| Hàng bán bị trả lại: | 320.384.324 | 269.308.967 |
| Sản phẩm phụ tùng xe máy | 320.384.324 | 77.305.633 |
| Sản phẩm cơ khí | - | 192.003.334 |
| Cộng | <u>412.599.238</u> | <u>1.129.920.668</u> |

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần bán vật tư | 16.934.818.222 | 35.032.288.600 |
| Doanh thu thuần bán phụ tùng xe máy | 747.036.822.294 | 735.936.220.978 |
| Doanh thu thuần bán sản phẩm cơ khí | 142.303.156.087 | 125.671.836.520 |
| Doanh thu thuần bán phế liệu | 14.216.879.300 | 12.079.358.600 |
| Cộng | 920.491.675.903 | 908.719.704.698 |

4. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn bán vật tư | 15.446.989.449 | 32.129.474.355 |
| Giá vốn bán phụ tùng xe máy | 635.062.039.260 | 628.480.894.825 |
| Giá vốn bán sản phẩm cơ khí | 109.602.223.833 | 94.645.020.903 |
| Cộng | 760.111.252.542 | 755.255.390.083 |

5. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay | 429.913.399 | 229.520.393 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 2.045.710.042 | 1.145.092.621 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm | 215.396.253 | 116.547 |
| Cộng | 2.691.019.694 | 1.374.729.561 |

6. Chi phí tài chính

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|--------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 363.771.965 | 2.218.495.669 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 365.157.897 | 243.647.250 |
| Dự phòng đầu tư tài chính | - | 198.113.776 |
| Cộng | 728.929.862 | 2.660.256.695 |

7. Chi phí bán hàng

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i> | | |
| Chi phí nhân viên | 6.955.114.220 | 6.426.393.817 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 69.945.670 | 167.478.345 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 103.420.889 | 177.272.658 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 458.945.928 | 253.062.461 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác | 9.967.959.978 | 9.845.255.319 |
| Cộng | 17.555.386.685 | 16.869.462.600 |

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | 63.620.852.035 | 60.327.899.975 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 46.288.341.335 | 39.863.963.634 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 394.075.607 | 450.930.541 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 1.505.022.182 | 1.512.220.781 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 515.807.825 | 1.989.271.030 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.847.947.093 | 2.892.141.912 |
| Chi phí dự phòng | - | 773.876.356 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.064.187.432 | 11.255.073.615 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.005.470.561 | 1.590.422.106 |
| b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp | 7.016.038.150 | 84.763.904 |
| Hoàn nhập dự phòng sửa chữa tài sản cố định định kỳ | 6.936.664.306 | - |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | 79.373.844 | 84.763.904 |
| Cộng | 56.604.813.885 | 60.243.136.071 |

9. Thu nhập khác

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Thanh lý tài sản cố định | 185.833.333 | - |
| Thu từ tiền khen thưởng | 90.910.000 | - |
| Thu từ tiền bồi thường làm hỏng hàng | 18.420.000 | - |
| Thu nhập khác | - | 50.710.000 |
| Cộng | 295.163.333 | 50.710.000 |

10. Chi phí khác

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|--------------------|-------------------|
| Phạt chậm nộp, truy thu trong lĩnh vực thuế | 610.501.270 | - |
| Các khoản khác | - | 71.154.760 |
| Cộng | 610.501.270 | 71.154.760 |

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 408.205.463.698 | 398.206.396.796 |
| Chi phí nhân công | 241.353.989.852 | 224.295.761.905 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 29.973.892.936 | 25.574.611.315 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 18.928.711.666 | 11.255.073.615 |
| Chi phí khác bằng tiền | 59.120.933.156 | 71.966.670.518 |
| Cộng | 757.582.991.308 | 731.298.514.149 |

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp | 87.866.974.686 | 75.045.744.050 |
| Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.078.840.855 | 2.187.314.160 |
| Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp | 89.945.815.541 | 77.233.058.210 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 17.989.163.108 | 15.446.611.642 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 448.153.173 | 53.055.400 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 18.437.316.281 | 15.499.667.042 |

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 (Trình bày lại) VND |
|---|-----------------|------------------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 69.429.658.405 | 59.546.077.008 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | (33.350.620.908) |
| Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | (33.350.620.908) |
| + Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý (*) | - | (33.350.620.908) |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 69.429.658.405 | 26.195.456.100 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 7.079.853 | 7.079.853 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**) | 9.806,65 | 3.700,00 |

(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024. Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Do đó lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2024 chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

| | Năm 2023 | | |
|---|------------------------|------------------|-------------------|
| | Số trước điều chỉnh | Số điều chỉnh | Số sau điều chỉnh |
| | VND | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 59.546.077.008 | - | 59.546.077.008 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | (33.350.620.908) | (33.350.620.908) |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i> | - | - | - |
| <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i> | - | (33.350.620.908) | (33.350.620.908) |
| <i>+ Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý, điều hành</i> | - | (33.350.620.908) | (33.350.620.908) |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 59.546.077.008 | (33.350.620.908) | 26.195.456.100 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 7.079.853 | - | 7.079.853 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 8.410,64 | (4.710,64) | 3.700,00 |

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| - Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 30.949.589.540 | 77.332.076.566 |

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 30.949.589.540 | 94.131.624.307 |

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--|
| TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP | Công ty mẹ, sở hữu 55% vốn điều lệ của Công ty |
| Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công | Công ty con của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp | Công ty con của Công ty mẹ |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

| | |
|--|---------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam | Công ty con của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh | Công ty con của Viện công nghệ |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM | Công ty con của Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên | Công ty con của Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ | Công ty con của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo | Công ty con của Công ty mẹ |
| Viện Công nghệ | Công ty con của Công ty mẹ |
| Công ty CP Cơ khí Cổ Loa | Công ty con của Công ty mẹ |
| Công ty Honda Việt Nam | Công ty liên kết của Công ty mẹ |

2.1 Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Bán hàng | | |
| Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công | - | 17.212.158.000 |
| Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam | 637.943.046 | 265.600.570 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên | 2.356.103.000 | - |
| Công ty Honda Việt Nam | 273.448.099.462 | 265.495.038.485 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo | 18.420.000 | 42.228.000 |
| Mua hàng | | |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh | 893.934.800 | 783.803.900 |
| Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công | 951.782.681 | 18.214.478.430 |
| TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP | 5.461.930.399 | 5.771.513.470 |
| Công ty CP Cơ khí Cổ Loa | 965.000.000 | 777.830.000 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên | 54.519.010 | 26.385.000 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo | - | 32.188.800 |
| Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ | 584.000.000 | - |
| *) Số dư với các bên liên quan | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
| | VND | VND |
| Phải thu khách hàng | | |
| Công ty Honda Việt Nam | 30.609.030.994 | 21.939.380.475 |
| Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam | 226.962.414 | 59.800.180 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo | - | 79.373.844 |
| Phải trả người bán | | |
| Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ | 642.510.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công | - | 243.614.342 |
| 2.2 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau: | | |
| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
| Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt | 9.915.379.539 | 11.418.712.139 |
| Thu nhập của các thành viên Ban kiểm soát | 444.408.586 | 669.072.361 |
| Cộng | 10.359.788.125 | 12.087.784.500 |

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

| | | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---------------------|--|----------------------|-----------------------|
| | | VND | VND |
| Ông Ngô Văn Thái | Chủ tịch HĐQT | 1.580.465.107 | 2.136.485.440 |
| Ông Trần Đức Hưng | Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT | 2.285.781.633 | 2.275.444.500 |
| Ông Nguyễn Đức Dũng | Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT | 1.831.361.137 | 1.169.788.078 |
| Ông Vũ Duy Hải | Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT | 1.666.072.122 | 486.997.200 |
| Ông Nguyễn Đức Hiền | Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2022) Thành viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 25/4/2024) | 209.054.737 | 804.151.472 |
| Ông Lê Văn Hùng | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2023) Thành viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ từ ngày 25/4/2024) | 523.364.537 | 1.879.470.032 |
| Ông Ngô Quang Bình | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2023) | 30.698.200 | 870.947.932 |
| Ông Hồ Ngọc Vinh | Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm từ ngày 25/4/2024) | 87.300.000 | - |
| Bà Trần Thị Huyền | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 18/11/2022) | - | 114.078.353 |
| Bà Lê Thị Minh Thu | Kế toán trưởng | 1.701.282.066 | 1.681.349.132 |
| Cộng | | 9.915.379.539 | 11.418.712.139 |

Thu nhập của Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

| | | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------------|---|--------------------|--------------------|
| | | VND | VND |
| Bà Đồng Thị Thanh Ngân | Trưởng Ban kiểm soát | 287.534.131 | 414.091.620 |
| Ông Bùi Tuấn Anh | Thành viên Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm từ ngày 25/4/2024) | 31.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Bình | Thành viên Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm từ ngày 25/4/2024) | 31.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Anh Dũng | Thành viên Ban kiểm soát (Hết nhiệm kỳ từ ngày 25/4/2024) | 44.437.225 | 125.490.416 |
| Ông Phạm Công Quý | Thành viên Ban kiểm soát (Hết nhiệm kỳ từ ngày 25/4/2024) | 50.437.230 | 72.451.239 |
| Bà Lê Minh Phương | Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18/11/2022) | - | 57.039.086 |
| Cộng | | 444.408.586 | 669.072.361 |

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực địa lý

Công ty hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và xuất khẩu. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai khu vực địa lý này.

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định và tài sản dài hạn khác cũng như các khoản nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| | Năm 2024 | | |
|---|-----------------|-----------------|-----------------|
| | VND | | |
| | Trong nước | Xuất khẩu | Tổng cộng |
| Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh | 815.739.530.376 | 104.752.145.527 | 920.491.675.903 |
| Giá vốn từ hoạt động kinh doanh | 682.540.118.502 | 77.571.134.040 | 760.111.252.542 |
| Lợi nhuận gộp | 133.199.411.874 | 27.181.011.487 | 160.380.423.361 |
| Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu | 16,33% | 25,95% | 17,42% |

4. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

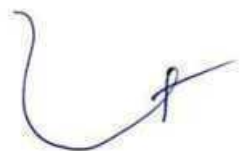
Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thị Minh Thư

Lê Thị Minh Thư

Trần Đức Hưng